

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



*Ở đâu có **Nông dân**, ở đó có **Khuyến nông***

HỘI NGHỊ KHUYẾN NÔNG TOÀN QUỐC NĂM 2022

Kết nối Hệ thống - Đổi mới sáng tạo

Quảng Ninh, tháng 7 năm 2022

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



*Ở đâu có **Nông dân**, ở đó có **Khuyến nông***

HỘI NGHỊ KHUYẾN NÔNG TOÀN QUỐC NĂM 2022

Kết nối Hệ thống - Đổi mới sáng tạo

Quảng Ninh, tháng 7 năm 2022

Đồng hành cùng nông dân Việt

 Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp
Liên Hợp Quốc (FAO)



Food and Agriculture Organization
of the United Nations

 Viện Lúa Quốc tế



 Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam



 Viện Nghiên cứu Hải sản



 Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1



 Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 2



 Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 3



 Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam



THE WORLD BANK
IBRD • IDA

Đồng hành cùng nông dân Việt



 Công ty TNHH Bayer Việt Nam



 Công ty Syngenta Việt Nam



DAITHANH

 Công ty Cổ phần Đại Thành



 Công ty TNHH Công nghệ NHONHO

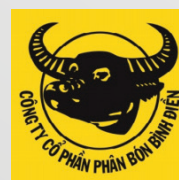


 Công ty TNHH GROBEST Việt Nam



BODE GROUP

 Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Bồ Đề



 Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền



 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ
Sài Gòn Kim Hồng

Đồng hành cùng nông dân Việt



Ngân hàng Phát triển Châu Á



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu
Đồng Giao**



Tổng công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Nghệ An



Công ty Cổ phần TM Dược VTYT Khải Hà



Công ty TNHH Cường Tân



Công ty Cổ phần Nicotex



**Công ty Cổ phần Dược phẩm
và Chuyển giao công nghệ FuSi**



CHƯƠNG TRÌNH
Hội nghị khuyến nông toàn quốc năm 2022

Thời gian	Nội dung	Phân công
Buổi sáng		
7h30 – 8h00	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức
8h00 – 8h15	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	TTKNQG
8h15 – 8h30	Phát biểu chào mừng	UBND tỉnh Quảng Ninh
8h30 – 9h00	Báo cáo tổng quan về tình hình hoạt động khuyến nông và phương hướng đổi mới công tác khuyến nông	TTKNQG
9h00 – 9h10	Báo cáo tham luận của tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh
9h10 – 9h20	Báo cáo tham luận của tỉnh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc
9h20 – 9h30	Báo cáo tham luận của tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang
9h30 – 9h40	Báo cáo tham luận của khối Viện, Trường	Viện KHKTNN DH Nam Trung bộ
9h40 – 9h50	Báo cáo tham luận của khối Doanh nghiệp	Công ty Đồng Giao
9h50 – 10h00	Giải lao	
10h00 – 11h00	Thảo luận (mời Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc Trung tâm KNQG chủ trì, điều hành thảo luận)	Các đại biểu
11h00 – 11h30	Chỉ đạo, định hướng đổi mới công tác khuyến nông và kết luận Hội nghị	Lãnh đạo Bộ
11h30 – 12h00	Thi đua khen thưởng	Ban tổ chức
12h00 – 13h00	Mời cơm trưa các đại biểu	Ban tổ chức
Buổi chiều		
14h00 – 17h00	Lãnh đạo Bộ đối thoại với Giám đốc Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các tỉnh, thành phố	Chủ trì: Lãnh đạo Bộ và GD TTKNQG
18h00 – 20h00	Giao lưu khuyến nông	Ban tổ chức

Tài liệu Hội nghị: theo mã QR code

MỤC LỤC

*** BÁO CÁO CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG NĂM 2023 1**

*** KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 19-NQ/TW VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN VÀ QUYẾT ĐỊNH 150/QĐ-TTG VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG..... 22**

*** DANH MỤC BÁO CÁO THAM LUẬN 34**

1. Báo cáo tham luận về tình hình hoạt động công tác khuyến nông tại Quảng Ninh (*Trung tâm Khuyến nông Quảng Ninh*)..... 35
2. Báo cáo tham luận về Công tác Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022 (*Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc*)..... 43
3. Báo cáo tham luận về đa dạng hóa hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (*Trung tâm Khuyến nông và dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hậu Giang*)..... 47
4. Báo cáo tham luận về giải pháp khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ (*Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ*).... 53

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG NĂM 2022
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG NĂM 2023**

*(Báo cáo phục vụ Hội nghị khuyến nông toàn quốc năm 2022
tổ chức ngày 27/7/2022 tại Quảng Ninh)*

Năm 2022, cả nước nói chung và Ngành Nông nghiệp và PTNT nói riêng triển khai thực hiện kế hoạch trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh Covid-19 chưa được kiểm soát, giá cả vật tư tăng nhất là xăng dầu đã làm đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động khuyến nông.

Hoạt động khuyến nông tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ, sự ủng hộ phối hợp của các Tổng cục, Cục, Vụ chức năng, sự chỉ đạo, đôn đốc của các cấp ủy Đảng, chính quyền và tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan, đồng thời hệ thống khuyến nông, các đơn vị, tổ chức tham gia hoạt động khuyến nông đã có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế. Chính vì vậy các dự án khuyến nông, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên đã và đang triển khai đảm bảo yêu cầu, tiến độ và mục tiêu, kế hoạch đề ra.

**Phần thứ nhất
CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG NĂM 2022**

I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ KHUYẾN NÔNG

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Trung tâm KNQG đã triển khai xây dựng, trình Bộ:

- Bộ Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương mới (Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022).

- Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện kiện toàn mô hình Tổ khuyến nông cộng đồng” (Quyết định số 1904/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).

- Phối hợp với Vụ Pháp Chế, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông (nhiệm vụ được giao tại

Quyết định số 5254/QĐ-BNN-PC ngày 31/12/2021 về kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2022).

- Xây dựng Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu “**Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả**” thuộc Bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 (Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022).

- Đề án đổi mới tổ chức, bộ máy và hoạt động của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia làm cơ sở để Bộ trình Chính phủ bổ sung Trung tâm KNQG vào trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Bộ và đổi mới công tác khuyến nông theo hướng chất lượng, hiệu quả theo chỉ đạo của Bộ.

II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Năm 2022, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (KNQG) được Bộ giao quản lý **162 dự án** Khuyến nông Trung ương, cụ thể như sau:

- Phân theo tổ chức chủ trì:

+ Dự án do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì: 52 dự án.

+ Dự án do Trung tâm KN/ Trung tâm DVNN các tỉnh, thành phố chủ trì: 68 dự án (46 TTKN/TTDVNN chủ trì dự án, trong đó: có 22 TTKN/TTDVNN chủ trì 02 Dự án, 24 TTKN/TTDVNN chủ trì 01 dự án).

+ Dự án do các doanh nghiệp chủ trì: 21 dự án.

+ Các đơn vị khác (các hội đoàn thể, Trung tâm chuyển giao, đơn vị quân đội) chủ trì: 21 dự án.

- Phân theo vùng:

+ Vùng miền núi phía Bắc: 63 dự án

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: 35 dự án.

+ Vùng Miền Trung: 50 dự án

+ Vùng Tây Nguyên: 15 dự án

+ Vùng Đông Nam bộ: 8 dự án

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: 20 dự án.

- Phân theo chuyên ngành:

Theo kế hoạch, thuyết minh đã phê duyệt, năm 2022 triển khai 162 dự án, xây dựng 443 mô hình với 618 điểm trình diễn, với 12.171 hộ tham gia; Tổ chức 510 lớp tập huấn cho 15.359 lượt người; Tập huấn ngoài mô hình: 420 lớp, 12.952 lượt người; Sơ kết, tổng kết: 376 cuộc, 15.892 lượt người và Tham quan: 247 cuộc, 11.063 lượt người. Phân theo các lĩnh vực như sau:

+ Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV: triển khai 61 dự án do 35 đơn vị chủ trì, trong đó có 21 đơn vị thuộc Bộ chủ trì 28 dự án.

+ Lĩnh vực chăn nuôi và TY: triển khai 38 dự án, do 37 đơn vị chủ trì, trong đó có 05 đơn vị thuộc Bộ chủ trì 5 dự án

+ Lĩnh vực Khuyến ngư: triển khai 35 dự án, do 31 đơn vị chủ trì trong đó có 3 đơn vị thuộc Bộ chủ trì 6 dự án,

+ Lĩnh vực Lâm nghiệp: Triển khai 21 dự án, do 19 đơn vị chủ trì, trong đó có 9 đơn vị thuộc Bộ chủ trì 11 dự án.

+ Lĩnh vực cơ giới hóa và nghề Muối: thực hiện 07 dự án do 7 đơn vị chủ trì, trong đó có 02 đơn vị thuộc Bộ chủ trì 2 dự án.

Bảng 1. Kế hoạch triển khai dự án KNTW năm 2022

Lĩnh vực	Kế hoạch năm 2022											
	Qui mô	Số MH	Số điểm trình diễn	Số hộ	Tập huấn KT		TH ngoài MH		Số/tổng kết		Tham quan	
					Số lớp	Số lượt người	Số lớp	Số lượt người	Số lần/cuộc	Số lượt người	Số cuộc	Số lượt người
Trồng trọt	2.977 ha	246	323	9.674	245	10.820	207	6.652	154	8.163	79	5.225
Chăn nuôi TY	89.878 con	54	101	657	103	1.257	100	2.666	100	2.332	93	2.295
Khuyến ngư	138 ha, 8.081 m ³ , 50 tàu KT	59	110	246	72	1.239	50	1.635	59	2.822	34	1.665
Lâm nghiệp	927 ha	75	71	1.315	77	1.714	54	1.708	56	2.045	30	1.388
Cơ giới hóa	470 ha	9	13	279	13	329	9	290	7	530	11	490
Tổng cộng		443	618	12.171	510	15.359	420	12.951	376	15.892	247	11.063

Đánh giá kế hoạch và tiến độ 6 tháng đầu năm 2022 các dự án:

1. Các dự án khuyến nông lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Triển khai 61 dự án, xây dựng 246 mô hình khuyến nông với quy mô 2.977 ha cây trồng các loại, 9.674 hộ tham gia. Các dự án đã tổ chức tập huấn trong mô hình cho 10.820 lượt người và tập huấn ngoài mô hình cho 6.652 lượt người. Nhìn chung các đơn vị chủ trì/chủ nhiệm dự án tích cực triển khai theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật theo thuyết minh dự án được duyệt. Các dự án đã tổ chức cấp phát vật tư cho các hộ tham gia mô hình đầy đủ và đúng quy định, tổ chức tập huấn trong và ngoài mô hình hình theo kế hoạch đã đề ra. Các mô hình trồng trọt cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất đạt và vượt yêu cầu. Một số kết quả chính như sau:

a) Nhóm cây lương thực:

Tổng số 16 dự án với quy mô 1.603 ha. Các dự án tập trung sản xuất hàng hóa, liên kết tiêu thụ sản phẩm với mục tiêu hạ giá thành, giảm chi phí, tăng

năng suất, tăng chất lượng sản phẩm từ đó tăng thu nhập cho người dân, nâng cao hiệu quả kinh tế. Một số dự án kết quả nổi bật là:

- Dự án xây dựng mô hình sản xuất ngô sinh khối làm thức ăn xanh cho gia súc: Năng suất sinh khối trung bình trong mô hình đạt >50 tấn/ha, hiệu quả kinh tế trung bình đạt >15% so với sản xuất ngô lấy hạt đại trà ngoài mô hình: Năng suất tại các tỉnh: Vĩnh Phúc đạt 51,5 tấn/ha; Ninh Thuận đạt 52,5 tấn/ha; Thanh Hóa đạt 51,7 tấn/ha; Hà Nội đạt 51,06 tấn/ha; Nghệ An đạt 50,5 tấn/ha. Đã liên kết với Công ty TNHH Biomass Nam Anh, Hợp tác xã Sản xuất Dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Mỹ Sơn,... tiêu thụ trên 50% sản phẩm cây ngô sinh khối của các mô hình. Dự án sản xuất hạt giống lúa lai F1, năng suất hạt lai đạt 27 tạ/ha, góp phần chủ động hạt giống trong nước, hạ giá thành 15%, hiệu quả sản xuất tăng 30-40%.

- Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ” triển khai vụ Đông xuân năm 2022 đã thực hiện 6 mô hình sản xuất lúa hữu cơ; Năng suất lúa tại các mô hình đạt 52 - 62,1 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng 22-37% so với sản xuất đại trà, đã liên kết tiêu thụ được 240 tấn lúa. Sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, hạn chế sử dụng phân hóa học, thuốc BVTV, không sử dụng thuốc trừ cỏ nên không ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, an toàn, từ đó giảm chi phí cho người dân khi giá phân bón và thuốc BVTV đang là vấn đề nóng do giá tăng cao.

- Dự án “Xây dựng Mô hình sản xuất lúa phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại Đồng bằng Sông Cửu Long” với mục tiêu: Giảm chi phí sản xuất (giống, thuốc BVTV, công lao động...), gia tăng giá trị sản phẩm thông qua áp dụng cơ giới hoá và tổ chức liên kết gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Dự án thực hiện với sự tham gia của tổ khuyến nông cộng đồng trong chỉ đạo kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất.

b) Nhóm rau, hoa:

Tổng số 13 dự án, quy mô 324 ha. Đối tượng cây trồng như hoa, dưa chuột, cà rốt, cải xanh, bắp cải... tại các vùng trọng điểm là Đồng bằng Sông Hồng, miền Trung Tây Nguyên và Đồng bằng Sông Cửu Long. Các dự án đã tập trung sản xuất rau chất lượng cao, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau trái vụ, nhà lưới, công nghệ cao, sản xuất hữu cơ...đồng thời gắn với truy xuất nguồn gốc, liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng và giá trị của rau trong sản xuất.

Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng giá thể để sản xuất một số loại rau chất lượng cao gắn với tiêu thụ sản phẩm ở các tỉnh phía Bắc” triển khai tại 3 tỉnh là Hải Dương, Bắc Giang, Thanh Hóa Giống dưa Kim Hoàng hậu đạt năng suất 38,68 tấn/ha, thu nhập 979,68 triệu đồng/ha và lãi thuần đạt 479,08 triệu đồng/ha, vượt mô hình đối chứng 25,64%. Giống dưa lưới TL3, năng suất đạt 30,58-32,12 tấn/ha, thu nhập 899,36 - 917,4 triệu đồng/ha và lãi thuần đạt 398,76 - 416,8 triệu đồng/ha, vượt mô hình đối chứng 29,18-34,9%. Mô hình sản xuất dưa chuột tại HTX Tân Minh Đức và HTX Âu Việt Farm cho năng suất

đạt 82,94-83,16 tấn/ha, thu nhập 953,81-956,34 triệu đồng/ha và cho lãi thuần đạt 449,41-451,94 triệu đồng/ha, vượt mô hình đối chứng 23,73- 28,79%. Đã xây dựng mô hình liên kết tổ chức, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, truy nguyên nguồn gốc với 05 Doanh nghiệp, 6 Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và trực tiếp thu mua 100% sản phẩm mô hình.

c) Nhóm cây ăn quả:

Triển khai 19 dự án với quy mô 400 ha, tập trung vào các đối tượng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, tạo vùng nguyên liệu, phục vụ xuất khẩu, như Cam, Bưởi, Xoài, Sầu riêng, Bơ, Chanh leo, Thanh long..., địa bàn triển khai tập trung chủ yếu ở miền núi phía Bắc, miền Trung và Đồng bằng Sông Cửu long.

Các dự án đã áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất như: áp dụng kỹ thuật ghép cải tạo, sản xuất VietGAP, quy trình phòng trừ dịch hại tổng hợp... Kết quả các dự án đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, có truy xuất nguồn gốc, sản phẩm được chứng nhận.

Dự án có kết nối bật là Dự án “Xây dựng mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây Chanh leo gắn với tiêu thụ sản phẩm cho các tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên”. Năng suất Chanh leo đạt trung bình 52,3 tấn/ha, cao hơn so với ngoài mô hình 8,7-10 tấn/ha (tăng 20-25%), hiệu quả kinh tế tăng hơn 31,3%. Sản phẩm gắn với xây dựng vùng nguyên liệu, do nhà máy Doveco tiêu thụ.

d) Nhóm cây công nghiệp:

Triển khai 17 dự án, quy mô 741 ha, đối tượng chủ yếu như Chè, Cà phê, Cao su, Tiêu.... địa bàn triển khai tại các tỉnh miền núi phía Bắc, bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long. Các mô hình đã gắn kết tổ chức sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm, áp dụng tiến bộ kỹ thuật về sản xuất an toàn, VietGap, sản xuất hữu cơ nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và hỗ trợ nông dân với khoa học cũng như kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm bền vững.

Một số kết quả nổi bật của dự án như:

+ Dự án “Xây dựng mô hình thâm canh Chè theo hướng hữu cơ liên kết theo chuỗi giá trị tại tỉnh Lào Cai” đang thu hoạch lứa 5-6, năng suất chè búp tươi bình quân đạt 4,55 tấn/ha, sản phẩm chè búp tươi hữu cơ đã được Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Bắc Hà thu mua toàn bộ với giá 17.000đ/kg búp tươi.

+ Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất chè xanh an toàn theo VietGAP tại tỉnh Thái Nguyên” đang cho thu hoạch lứa 4, bình quân 2,46 tạ/ha/lứa cao hơn năng suất ngoài mô hình 2,03 tạ/ha/lứa. Giá bán giao động từ 35.000-37.000đồng/kg chè búp tươi, so với bên ngoài 30.000 - 33.000đ/kg chè búp tươi.

Việc áp dụng tốt quy trình kỹ thuật sản xuất và chăm sóc chè theo hướng hữu cơ, sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân chuồng hoai mục, thuốc BVTV sinh học (không sử dụng hóa chất) góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giữ cân bằng hệ sinh thái. Các dự án sản xuất hữu cơ và theo hướng hữu cơ đã giảm tối đa chi phí sử dụng phân bón hoá học và thuốc BVTV,

từ đó giảm chi phí đầu tư cho sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế ngày càng tăng nhất là trong điều kiện giá phân bón và thuốc BVTV ngày càng tăng, biến động.

2. Các dự án khuyến nông lĩnh vực chăn nuôi và thú y:

Năm 2022, triển khai 38 dự án, xây dựng 54 mô hình trình diễn với quy mô 89.878 con vật nuôi các loại, tại 101 điểm trình diễn, 657 hộ tham gia. Hầu hết các dự án gặp khó khăn trong công tác chọn hộ do giá thức ăn tăng quá cao so với giá dự toán, kinh phí phê duyệt không thay đổi nên các hộ khi tham gia dự án phải tăng phần đối ứng, nhiều hộ đã đăng ký tham gia nhưng khi họp dân, nghe phổ biến thực trạng thì đã thay đổi, xin rút không tham gia dự án. Các dự án triển khai đúng tiến độ đã hoàn thành chọn điểm chọn hộ, tập huấn trong mô hình một số dự án đã tiến hành cấp con giống và vật tư, các đàn vật nuôi sinh trưởng phát triển tốt, đảm bảo yêu cầu của dự án.

a) Phát triển chăn nuôi bò:

Triển khai 7 dự án với quy mô 1.599 con bò.

- *Mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật TTNT*: Dự án áp dụng phương pháp nhân giống bằng TTNT đã cải tiến khả năng di truyền, tăng năng suất, chất lượng các thế hệ đời sau. Đồng thời, thông qua kỹ thuật TTNT tạo ra đàn con lai có giá trị kinh tế cao hơn so với đàn bò Vàng Việt Nam, tỷ lệ thịt xẻ $\geq 15-20\%$ so với bò vàng địa phương. Đến nay tỷ lệ bò phối chửa đạt 82,5%.

- *Mô hình chăn nuôi bò tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm*: Sử dụng **TMR** (Total Mixed Ration) để cân bằng khẩu phần ăn cho từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển **của đàn bò**, nên khả năng tăng khối lượng nhanh, bình quân đạt 974,28 g/con/ngày. Đồng thời sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế vì sản xuất phân bón hữu cơ cho phát triển cây trồng. Chuyển giao tổ chức sản xuất, lựa chọn Tổ hợp tác/HTX tham gia mô hình, gắn với doanh nghiệp để giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm, nên giá bán rất ổn định. Hiệu quả kinh tế tăng 15-19% so với chăn nuôi bò truyền thống.

b) Phát triển chăn nuôi lợn:

Triển khai 10 dự án với quy mô 2.223 con lợn.

- *Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản tăng cường các biện pháp an toàn sinh học*. Do áp dụng các biện pháp an toàn sinh học nên đàn lợn an toàn với dịch bệnh. 100% đàn lợn nái trong dự án cấp năm 2021 đã đẻ lứa 2. Khối lượng trung bình lợn con sơ sinh đạt 1,55 kg/con, số con/lứa trung bình đạt 12 con/lứa.

- *Phát triển chăn nuôi lợn tuần hoàn, theo hướng hữu cơ*: Mục tiêu của dự án nhằm chuyển đổi các mô hình sản xuất nông nghiệp nước ta theo hướng kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, nguồn tài nguyên ngày càng hạn hẹp và nguy cơ ô nhiễm môi trường chăn nuôi tăng cao. Dự án đã áp dụng quy trình chăn nuôi tuần hoàn khép kín, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp kết hợp men vi sinh làm đệm lót sinh học cho vật nuôi, toàn

bộ đệm lót này được sử dụng để sản xuất phân bón hữu cơ. Đây chính là nguồn phân bón hữu cơ tốt cho cây trồng, do đó đã tạo ra giá trị kinh tế, môi trường từ việc sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào ít hơn, giảm lượng chất thải ra môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm và phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp tại các địa phương Đến nay đã nhân rộng được 3.450 con ở 468 hộ.

c) Phát triển chăn nuôi gà gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm:

Triển khai 8 dự án với quy mô 60.800 con gà.

- *Mô hình chăn nuôi gà theo VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm:* Đã chuyển giao một số giống gà được công nhận tiến bộ kỹ thuật như Ri lai, Mía lai, Chọi lai, ... vào mô hình, giúp người chăn nuôi tiếp cận được các giống gà có năng suất, chất lượng, bổ sung vào bộ giống gà chủ lực của địa phương triển khai mô hình. Các hộ trong mô hình đều được chứng nhận VietGAHP và xây dựng được liên kết tiêu thụ sản phẩm nên sản phẩm đầu ra luôn ổn định.

- *Mô hình nuôi gà theo hướng hữu cơ:* Đã tiến hành đánh giá tiêu chí các hộ tham gia mô hình để đánh giá và tư vấn cho các hộ chuyển đổi đạt 70% tiêu chí của chăn nuôi hữu cơ. Tiến hành tập huấn cho các hộ về chăn nuôi theo hướng hữu cơ, để tạo ra sản phẩm an toàn có chất lượng cao, tạo được lợi thế cạnh tranh giúp chăn nuôi gia cầm phát triển bền vững.

d) Phát triển chăn nuôi thủy cầm:

Triển khai 2 dự án, quy mô 28.600 con vịt, ngan. Trong đó: 01 dự án xây dựng mô hình chăn nuôi ngan thịt, 01 dự án xây dựng mô hình chăn nuôi vịt Biển. Kết quả, các dự án tập trung đưa các TBKT là giống mới có năng suất cao thể hiện tỷ lệ nuôi sống cao, khối lượng cơ thể cao và tiêu tốn thức ăn thấp; Quy trình chăn nuôi an toàn sinh học. Giống vịt biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chăn nuôi tại nhiều vùng sinh thái khác nhau. Tỷ lệ nuôi sống trung bình 10 tuần tuổi đạt 97,02%; khối lượng cơ thể trung bình 10 tuần tuổi đạt từ 2,81kg/con; tiêu tốn hết 2,55kg thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể.

e) Phát triển vật nuôi bản địa:

- *Mô hình nuôi ong ngoại khai thác mật trên thùng kế theo hướng VietGAHP:* Dự án chuyển giao quy trình nuôi ong mật và các sản phẩm liên quan nhằm thúc đẩy cộng đồng hộ nuôi có ý thức hơn trong nâng cao chất lượng sản phẩm sau khai thác, kiểm soát tốt các chất tồn dư như kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, định hướng hộ nuôi về thực hành tốt theo hướng VietGAHP, sản phẩm mật ong bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm, đóng góp cho các vùng nguyên liệu xuất khẩu mật ong, sữa chua. Đồng thời thông qua vai trò thụ phấn cây trồng của ong mật sẽ thúc đẩy sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nói chung.

- *Mô hình liên kết trong chăn nuôi thỏ Newzealand:* Dự án chuyển giao giống thỏ Newzealand cho năng suất cao, số con trên lứa đạt 5,2 con, số lứa trên năm đạt trên 5,0 lứa.

g) Phát triển chăn nuôi dê, nuôi tằm:

- Mô hình chăn nuôi dê sữa chuyển giao giống dê sữa cao sản Saanen có năng suất cao đã thích nghi với điều kiện tại địa phương, cung cấp sữa có chất lượng cao ra thị trường.

- Mô hình chăn nuôi dê lấy thịt cung cấp giống dê Boor và dê lai có năng suất cao góp phần tạo thêm việc làm cho người dân tại địa phương góp phần xóa đói giảm nghèo.

- Mô hình nuôi tằm: Chuyển giao giống tằm lưỡng hệ có năng suất cao. Liên kết MH trồng dâu nhằm phát huy lợi thế sẵn có tại địa phương giúp cho chăn nuôi tằm phát triển bền vững.

h) Các mô hình về thức ăn chăn nuôi và xử lý môi trường:

Mô hình sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc ăn cỏ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đã chuyển giao các giống cỏ voi lai năng suất cao, có thích nghi với các điều kiện khí hậu đặc biệt là vùng hạn, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hoà Bình, Nghệ An và Ninh Thuận gắn với kỹ thuật chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh bằng phương pháp ủ chua cho gia súc ăn cỏ. Từ đó chủ động nguồn thức ăn thô xanh giúp chăn nuôi gia súc ăn cỏ phát triển.

3. Các dự án khuyến ngư:

Năm 2022 triển khai 35 dự án, kinh phí 30,23 tỷ đồng, xây dựng 59 mô hình tại 110 điểm trình diễn, 246 hộ tham gia.

a) Phát triển nuôi tôm, cua:

Triển khai 08 dự án, quy mô trên 80 ha tập trung tại các tỉnh ven biển Bắc Trung bộ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nổi bật các dự án ứng dụng các công nghệ tiên bộ kỹ thuật mới giúp cảnh báo và quản lý tốt môi trường nuôi và dịch bệnh trên tôm và cua. Tôm và cua sinh trưởng và phát triển tốt, đảm bảo an toàn thực phẩm. Một số dự án nổi bật:

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (*Penaeus vannamei*) thâm canh 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ 4.0 kết hợp hầm biogas xử lý môi trường” triển khai tại tỉnh Trà Vinh. Tôm đang nuôi giai đoạn 2 cỡ đạt 200-250 con/kg, tỷ lệ sống trên 80%. Tôm sinh trưởng và phát triển tốt, môi trường nước ao nuôi và môi trường nước thải được kiểm soát giúp bảo vệ môi trường.

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi tôm sú thâm canh 2 giai đoạn đảm bảo an toàn thực phẩm” và dự án “Xây dựng mô hình nuôi tôm sú trong rừng ngập mặn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm” triển khai tại tỉnh Cà Mau. Mô hình nuôi thân thiện với môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo sản phẩm sạch, an toàn. Kết quả tôm sú đạt cỡ 200 con/kg, tỷ lệ sống đạt trên 80%.

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi tôm sú - lúa hữu cơ phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long” triển khai tại các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Dự án áp dụng công nghệ nuôi sinh học, nuôi luân và xen canh tôm sú trong ruộng lúa. Đây là mô hình nuôi thông minh,

thân thiện với môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo sản phẩm sạch lúa thơm, tôm sạch.

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi cua gạch trong ao đầm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm” triển khai tại tỉnh Thừa Thiên Huế phù hợp với điều kiện tự nhiên tại vùng đầm phá Tam Giang. Đến nay cua sinh trưởng và phát triển tốt cỡ đạt 150-200 gr/con tỷ lệ sống trên 90%.

b) Phát triển nuôi cá (nước ngọt, nuôi mặn lợ):

Triển khai 21 dự án. Các dự án triển khai đảm bảo tiến độ, cá sinh trưởng và phát triển tốt đảm bảo nội dung, yêu cầu và mục tiêu dự án. Kết quả một số dự án nổi bật:

- Dự án “Xây dựng mô hình liên kết nuôi cá rô phi thâm canh ứng dụng công nghệ biofloc gắn với tiêu thụ sản phẩm” tại Bắc Giang: Qua thời gian nuôi khoảng 1 tháng cá sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống trên 95%, trọng lượng trung bình 50-70g/con.

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi cá Bống bóp bằng thức ăn công nghiệp” tại Nam Định: Cá sinh trưởng phát triển tốt, không có dịch bệnh xảy ra, sau gần 3 tháng nuôi thả kích cỡ cá trung bình đạt 50 gam/con, tỉ lệ sống ước đạt 90%, năng suất đạt 2,94 tấn/ha.

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi biển cá Giò”. Cá giò sinh trưởng và phát triển tốt, cá đạt cỡ 0,9-1,1 kg/con; tỷ lệ sống trên 80% phù hợp với điều kiện sóng gió tại vùng vịnh Vân Phong

- Dự án “Xây dựng mô hình ương giống cá tra ứng dụng công nghệ cao liên kết tiêu thụ tại các tỉnh Nam Bộ” triển khai tại tỉnh Tiền Giang tạo con giống cá tra đảm bảo chất lượng nâng cao tỷ lệ sống cá bột lên cá giống lên trên 50%. Cá giống đạt cỡ 300 con/kg.

- Dự án “Xây dựng mô hình nuôi cá Lăng Chấm (*Hemibagrus guttatus*), Cá Chiên (*Bagarius yarrelli*) theo hướng VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm” triển khai tại tỉnh Tuyên Quang. Dự án thả giống được gần 3 tháng, cá sinh trưởng và phát triển tốt đạt cỡ 300-400 gr/con, tỷ lệ sống đạt trên 80%. Cơ sở nuôi được tư vấn đánh giá, chứng nhận VietGAP.

c) Khai thác thủy sản, chế biến, bảo quản sản phẩm thủy sản:

- Dự án “Xây dựng mô hình sử dụng đèn Led chuyên dụng cho nghề lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt cá vùng biển khơi” năm 2022 xây dựng 06 mô hình tàu lưới vây (tổng số 300 đèn LED chuyên dụng; 1 mô hình/1 tàu, gồm hệ thống 50 đèn đèn LED). Mô hình giúp tiết kiệm 30-60% nhiên liệu chạy máy phát điện; giảm 18 - 22% chi phí chuyển biển; lợi nhuận trung bình tăng 25 - 40% mỗi chuyến biển.

- Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ CPF (Composite polyurethane foam) trong bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ”. Đã thi công, lắp đặt 04 hầm bảo quản (02 hầm/tàu) cho các chủ tàu ở tỉnh Quảng Bình

và Quảng Trị đảm bảo khối lượng và kích thước theo yêu cầu của dự án. Các mô hình đã cho kết quả bảo quản hải sản nổi bật hơn hẳn so với hầm bảo quản lạnh bằng xốp thông thường; Tiết kiệm được gần 30% lượng đá hao hụt trong quá trình bảo quản, chất lượng nguyên liệu bảo quản trong hầm tăng 25-30%.

4. Các dự án khuyến lâm:

Năm 2022, triển khai 21 dự án, kinh phí 22,3 tỷ đồng.

a) Trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn:

Triển khai 7 dự án, xây dựng trên 700 ha mô hình trồng cây gỗ lớn, các loài cây được chuyển giao như Keo tai tượng, Keo lai, Bạch đàn... tại các tỉnh miền núi phía Bắc, Miền Trung và Tây Nguyên. Nội dung liên kết với các Công ty lâm nghiệp nhằm tiêu thụ sản phẩm nguyên liệu gỗ lớn cho chế biến và xuất khẩu. Các dự án đã nâng cao giá trị của cây gỗ lớn, tăng thu nhập cho người trồng rừng trung bình 20-25 triệu đồng/ha so với trồng rừng gỗ nhỏ. Các dự án này góp phần hình thành vùng nguyên liệu sản xuất gỗ tập trung phục vụ cho chế biến và xuất khẩu. Một số dự án đã đạt kết quả nổi bật như Dự án xây dựng mô hình trồng thâm canh gỗ lớn bằng giống keo lai mô được công nhận tại Bình Định, Phú Yên: dự án triển khai năm thứ 2 sử dụng các giống keo mới AH1, AH7 được nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, áp dụng các biện pháp kỹ thuật khoa học sau 14 tháng trồng cây sinh trưởng phát triển tốt, gấp 1,5 lần so với công tác trồng rừng truyền thống. Mô hình đã tích hợp các yếu tố công nghệ mới đó là kỹ thuật nuôi cấy mô, kết hợp với thâm canh và mật độ hợp lý chính vì vậy với chu doanh 8-10 năm sản lượng thu hoạch từ 150-200 m³/ha, với tỷ lệ gỗ lớn khoảng 70% giá trị mang lại trung bình đạt 250-300 triệu đồng/ha. Đây là mô hình mang lại hiệu quả rất cao, góp phần ổn định đời sống, gắn bó với rừng cho người trồng rừng.

b) Trồng cây Lâm sản ngoài gỗ:

Dự án trồng cây lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu, thực phẩm, dược liệu triển khai 14 dự án, xây dựng 150 ha, với các loài cây chủ yếu như Mắc ca, Quế, Ba kích, Diệp hạ châu, Địa hoàng Đinh lăng, Đảng sâm, Đương quy...) được triển khai tại một số tỉnh phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. Dự án đã gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị thu nhập từ 20-25% cho người trồng rừng, đặc biệt các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ góp phần tăng cường đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen và giải quyết việc làm cho nông dân vùng miền núi nhằm hiện thực hóa Đề án bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Điển hình như dự án xây dựng mô hình trồng cây Diệp hạ châu và Địa hoàng tại Thái Bình và Hưng Yên đã tận dụng diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả để chuyển sang trồng cây dược liệu, sản phẩm của dự án đã được công ty thu mua với giá ổn định, thu nhập của người nông dân trung bình đạt từ 8-10 triệu đồng/sào.

5. Các dự án cơ giới hóa, bảo quản chế biến và nghề muối:

Năm 2022, triển khai 7 dự án, kinh phí 7,41 tỷ đồng, xây dựng 10 mô hình, tập trung vào các lĩnh vực: Cơ giới hóa trong sản xuất lúa; chế biến bảo quản gỗ; sản xuất muối sạch.

a) Các dự án Cơ giới hóa trong sản xuất lúa:

Tổng số 04 dự án, xây dựng được 5 mô hình với quy mô diện tích 450 ha tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Nội dung tập trung chủ yếu vào khâu cơ giới hóa gieo cấy lúa (ứng dụng mạ khay, máy cấy, máy sạ khóm).

- Tại ĐBSCL: Năng suất lao động khâu cơ giới hóa mạ khay so với phương pháp cấy truyền thống tiết kiệm được 50 công lao động, tương đương tăng năng suất lao động trung bình 70 - 80%. Lượng giống sử dụng cho mô hình lúa cấy: 50 – 55 kg/ha (giảm 70 - 133 kg/ha tương đương 58 - 70% so với gieo sạ bằng máy phun); Lợi nhuận của mô hình tăng so với đối chứng (tập quán sạ bằng thiết bị phun) 27,7 - 39,6%; so với cấy bằng tay tăng bình quân 5,16%.

- Tại ĐBSH (Dự án mạ khay, máy cấy tại tỉnh Hải Dương): Năng suất đạt 6,65 tấn/ha, tăng năng suất 5,95% và mang lại hiệu quả kinh tế đạt 22 triệu đồng/ha, tăng hơn so với lúa gieo thẳng 6,5 triệu đồng/ha tương đương 41,96%. Đã hình thành các tổ dịch vụ cơ giới hóa và hoạt động ngày càng hiệu quả, giảm tối thiểu 10% giá dịch vụ mạ khay máy cấy so với giá dịch vụ cùng loại tại địa phương, góp phần tích cực vào công cuộc đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, khắc phục tình trạng thiếu lao động trầm trọng lúc thời vụ, đồng thời tạo điều kiện chuyển dịch từ sản xuất thủ công kém hiệu quả sang cơ giới hóa, hiện đại hóa.

b) Dự án về chế biến bảo quản gỗ:

Dự án được phê duyệt từ năm 2021. Trong năm 2022, dự án tiếp tục triển khai xây dựng 02 mô hình sấy và bảo quản ván bóc gỗ rừng trồng quy mô nhóm hộ, công suất sấy 10 m³ ván bóc/ngày đêm tại tỉnh Bắc Kạn và Phú Thọ. Dự án triển khai góp phần giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch gỗ, nâng cao chất lượng ván bóc, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng gỗ rừng trồng.

c) Dự án về sản xuất muối sạch:

Đang tiếp tục triển khai dự án giai đoạn 2020- 2022 tại Nam Định, Thái Bình. Xây dựng được 02 mô hình sản xuất muối sạch mục tiêu tăng năng suất muối >10%, sản phẩm muối đạt tiêu chuẩn muối sạch. Dự án nhằm triển khai Đề án Phát triển nghề muối giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31/8/2020.

Đánh giá chung về các dự án khuyến nông trung ương 6 tháng đầu năm 2022:

- Các dự án khuyến nông trung ương đã và đang triển khai theo đúng nội dung, mục tiêu và kết quả theo Thuyết minh dự án được phê duyệt. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án đã phối hợp với các đơn vị chuyển giao, hệ thống khuyến nông các cấp để tổ chức thực hiện, có sự tham gia quản lý của Ngành Nông nghiệp và PTNT, của chính quyền và tổ chức hội, đoàn thể các cấp nhằm thực hiện tốt mục tiêu và định hướng của Bộ, Ngành.

- Các dự án khuyến nông trung ương triển khai đảm bảo tiến độ và mùa vụ sản xuất, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất như: sản xuất lúa hữu cơ, chăn nuôi lợn hữu cơ; sản xuất rau, quả, chè, các sản phẩm chăn nuôi đạt tiêu chuẩn chất lượng VietGAP/VietGAHP, sản xuất đảm bảo an toàn VSTP, liên kết theo chuỗi, ứng dụng cơ giới hóa, tưới nước tiết kiệm, sử dụng phân bón hữu cơ và thuốc BVTV sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm,... nâng cao giá trị gia tăng và giảm tối đa chi phí sử dụng phân bón hoá học và thuốc BVTV, từ đó giảm chi phí đầu tư cho sản xuất trong khi giá phân bón và thuốc BVTV ngày càng tăng.

- Gắn nội dung thực hiện dự án khuyến nông với xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất mới như: liên kết sản xuất giữa HTX, tổ hợp tác với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị để bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền kết quả của dự án, tổ chức các sự kiện (hội thảo đầu bờ, sơ kết, tổng kết) để tuyên truyền và nhân rộng các mô hình ra sản xuất đại trà.

- Phối hợp với hệ thống khuyến nông các tỉnh, thành phố để triển khai nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực khuyến nông địa phương và tiếp tục duy trì, mở rộng kết quả sau khi dự án kết thúc.

III. NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG THƯỜNG XUYỀN

1. Thông tin tuyên truyền:

Tổng kinh phí thông tin tuyên truyền khuyến nông năm 2022 là 30 tỷ đồng, tăng 2.250 triệu đồng so với năm 2021. Hoạt động thông tin tuyên truyền thực hiện 3 nội dung gồm:

a) Xây dựng, in và phát hành ấn phẩm khuyến nông, xây dựng Clip:

- Bản tin Khuyến nông Việt Nam: đã xuất bản 1/12 số Bản tin, đang chuẩn bị tin bài cho số 2. Dự kiến hết tháng 12/2022 sẽ xuất bản xong 12 số Bản tin Khuyến nông Việt Nam.

- Ấn phẩm Khuyến nông Việt Nam: giao nhiệm vụ biên soạn 03 tờ gấp, 02 cuốn sách, xây dựng 02 clip kỹ thuật. Dự kiến hết tháng 12/2022 sẽ xuất bản, xây dựng 22-25 ấn phẩm, clip.

b) Hoạt động Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng:

- Trang Web Khuyến nông Việt Nam: đăng tải 900 tin, bài, ảnh;

- Thông tin tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng:

Phối hợp với 26 đơn vị truyền thông đại chúng thực hiện tuyên truyền 68 chương trình trên truyền hình (đạt 31% kế hoạch), 136 chương trình trên truyền thanh (đạt 35,1% kế hoạch); đăng tải 5.487 tin, bài, ảnh trên các báo, tạp chí (68,6% kế hoạch), thực hiện 534 chuyên trang trên báo giấy (48,9%).

c) Hoạt động tổ chức sự kiện khuyến nông:

Theo kế hoạch tổ chức 36 sự kiện (01 hội chợ, 27 diễn đàn và tọa đàm, 05 hội thảo, 01 hội nghị và 02 hội thi). Trung tâm KNQG đã phối hợp với các đơn vị tổ chức thành công 11 sự kiện, gồm 05 diễn đàn KN@NN, 03 tọa đàm, 02 hội thảo và 01 hội thi. Nội dung các diễn đàn, tọa đàm tập trung vào các vấn đề phát triển sản xuất theo hướng an toàn, nâng cao chất lượng, sản xuất theo hướng hữu cơ; thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ, nâng cao chuỗi giá trị nông sản; tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường, ...

2. Đào tạo huấn luyện

Tổng kinh phí hoạt động đào tạo huấn luyện khuyến nông năm 2022 là 24 tỷ đồng, tăng 4 tỷ đồng so với năm 2021. Hoạt động đào tạo huấn luyện gồm các nội dung:

a) Tập huấn khuyến nông:

Theo kế hoạch sẽ tổ chức 213 lớp cho 6.640 lượt học viên theo 6 chuyên đề mục tiêu tập huấn ToT nâng cao năng lực cho khuyến nông cộng đồng gắn với vùng nguyên liệu. Đến nay đã hoàn thành khung chương trình, dự toán chi tiết và phân bổ, ký hợp đồng với các đơn vị.

Phân bổ xong kế hoạch, ký hợp đồng với các đơn vị. Tổng số có 63 Trung tâm KN/Trung tâm dịch vụ NN tỉnh, thành phố và 30 đơn vị tham gia hoạt động đào tạo tập huấn năm 2022. Đến nay các đơn vị đã và đang triển khai theo kế hoạch đề ra.

b) Xây dựng học liệu khuyến nông:

Xây dựng học liệu: Xây dựng 01 bộ tài liệu khuyến nông cộng đồng; 20 video clip kỹ thuật; duy trì và nâng cấp phần mềm mobile app khuyến nông xanh.

c) Khảo sát học tập trong và ngoài nước:

Theo kế hoạch tổ chức 50 đoàn tham quan, học tập do 43 đơn vị tham gia (25 Trung tâm KN tỉnh và 18 đơn vị khác) thực hiện khảo sát học tập khuyến nông trong nước. Các đơn vị đã xây dựng xong kế hoạch.

d) Hợp tác quốc tế về khuyến nông:

Hợp tác Quốc tế về khuyến nông: 03 đoàn công tác tham quan, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài (Hàn Quốc, Vương Quốc Anh, Thái Lan).

IV. PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

- Hướng ứng Phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phát động; Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua yêu nước trong Hệ thống khuyến nông Việt Nam giai đoạn 2021- 2025 với chủ đề: “Đổi

mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, nông dân giàu có, nông thôn văn minh” (Quyết định số 22/QĐ-KN-TCHC ngày 10/3/2022).

- Hệ thống khuyến nông Việt Nam chính thức được thành lập từ năm 1993 theo Nghị định số 13/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về khuyến nông. Đến ngày 02/3/2023 sẽ là ngày kỷ niệm 30 năm thành lập hệ thống khuyến nông Việt Nam. Đây là sự kiện có ý nghĩa chính trị quan trọng đối với toàn thể cán bộ viên chức đã và đang công tác trong ngành Khuyến nông. Trung tâm KNQG đã báo cáo Lãnh đạo Bộ và hiện nay đang phối hợp với các địa phương, đơn vị để chuẩn bị các thông tin, tư liệu phục vụ tổng kết 30 năm khuyến nông Việt Nam và đề xuất những giải pháp, cơ chế chính sách, nhằm đổi mới toàn diện công tác khuyến nông.

V. ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc hình thành và hoạt động của Tổ khuyến nông cộng đồng, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã xây dựng, trình Bộ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ khuyến nông cộng đồng (Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT). Đề án triển khai trên địa bàn 13 tỉnh thuộc Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 – 2025. Đề án chia thành 02 giai đoạn như sau:

*** Giai đoạn 2021 – 2023:**

- Ở mỗi tỉnh tham gia Đề án, Bộ hỗ trợ thành lập 02 Tổ/ tỉnh (tổng số 26 Tổ/ 13 tỉnh); địa phương củng cố, thành lập 08 Tổ/ tỉnh (tổng số 104 Tổ/ 13 tỉnh) đi vào hoạt động (theo Đề án vùng nguyên liệu).

- Xây dựng được bộ học liệu phục vụ đào tạo tổ khuyến nông cộng đồng bao gồm tài liệu đào tạo ToT và các video clips.

- Tổ chức được các hoạt động nâng cao năng lực tổ khuyến nông cộng đồng.

- Tổ khuyến nông cộng đồng hỗ trợ được các HTX vùng nguyên liệu phát triển sản xuất, thông tin thị trường và liên kết sản xuất.

- Tài liệu hoá được kinh nghiệm tổ chức, bài học kinh nghiệm để nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

*** Giai đoạn 2024 - 2025:**

- Nhân rộng mô hình Tổ khuyến nông cộng đồng ra 15 tỉnh tiếp theo có điều kiện tương đồng như các tỉnh thí điểm ở giai đoạn 1, mỗi tỉnh dự kiến nhân rộng ít nhất 02 mô hình Tổ khuyến nông cộng đồng, hoạt động theo 4 nhóm chức năng: chuyển giao công nghệ khuyến nông, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hỗ trợ thị trường và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững và hỗ trợ chuyển đổi số trong các HTX nông nghiệp.

- Hoàn thiện được khung chương trình đào tạo, và các tài liệu đào tạo cho tổ khuyến nông cộng đồng để nâng cao năng lực cho khuyến nông cộng đồng hoàn thiện tốt nhiệm vụ.

Trong giai đoạn từ nay đến cuối năm 2022, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đang tập trung triển khai:

- Phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và PTNT trình Bộ thành lập Ban chỉ đạo Trung ương chỉ đạo triển khai 02 Đề án khuyến nông cộng đồng và Đề án xây dựng vùng nguyên liệu.

- Tổ chức các hoạt động tư vấn hướng dẫn các địa phương thành lập các Tổ khuyến nông cộng đồng theo Đề án đã phê duyệt.

- Tổ chức các hoạt động tăng cường năng lực cho các Tổ khuyến nông cộng đồng: đào tạo, tập huấn, tọa đàm, tham quan học tập (ưu tiên cung cấp, trang bị các kiến thức, kỹ năng mềm: kinh tế, thị trường, liên kết sản xuất, HTX, chuyển đổi số,...).

- Hướng dẫn các Tổ khuyến nông cộng đồng xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông phục vụ phát triển các vùng nguyên liệu trên địa bàn.

- Phối hợp, lồng ghép Đề án khuyến nông cộng đồng, Đề án xây dựng vùng nguyên liệu với các dự án, nhiệm vụ khuyến nông trung ương triển khai trên địa bàn như: Dự án trồng rừng gỗ lớn theo tiêu chuẩn FSC miền trung; Dự án xây dựng vùng cây nguyên liệu cây ăn quả đạt chuẩn; Dự án phát triển sản xuất lúa đạt chuẩn xuất khẩu DBSCL; Dự án phát triển cây ăn quả vùng tứ giác Long Xuyên; các diễn đàn, tọa đàm khuyến nông, đào tạo, tập huấn khuyến nông,...

VI. SỰ KIỆN LỄ HỘI CƠ GIỚI HÓA CHÂU Á (AGRITECHNICA ASIA Live 2022)

Nhằm thúc đẩy quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, được sự đồng ý của Bộ trưởng, năm 2022 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Viện nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế (IRRI) và Hiệp hội nông nghiệp Đức (DLG) tổ chức sự kiện quốc tế AGRITECHNICA ASIA Live 2022 với chủ đề ***“Cơ giới hóa đồng bộ hướng tới nền nông nghiệp bền vững”*** từ ngày 24 – 26 tháng 8 năm 2022 tại Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Đây là sự kiện quốc tế trọng điểm mang dấu ấn của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2022 nhằm thúc đẩy canh tác nông nghiệp bền vững thông qua ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 1690/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thành lập Ban tổ chức sự kiện AGRITECHNICA ASIA Live 2022.

Các nội dung hoạt động chính của sự kiện bao gồm:

1. Lễ khai mạc sự kiện:

- Thời gian: 9h30 - 11h30 ngày 25 tháng 8 năm 2022.
- Địa điểm: Khách sạn Mường Thanh Cần Thơ.
- Quy mô: khoảng 300 đại biểu (40 đại biểu Quốc tế, 60 đại biểu Việt Nam và 200 nông dân).
- Thành phần:
 - + Quốc tế: Lãnh đạo Bộ NN và HTX Thái Lan; DLG, Đại Sứ Quán Đức, Hội Thương Mại Đức, IRRI, một số tổ chức quốc tế và phi chính phủ, ...
 - + Việt Nam: Lãnh đạo Bộ NN&PTNT, đại diện 1 số đơn vị thuộc Bộ; Lãnh đạo UBND Tp. Cần Thơ, đại diện 1 số Sở, Ban ngành; Ban tổ chức; Đơn vị tài trợ: 2-3 Đại biểu/đơn vị; Đại diện đơn vị tham gia trình diễn, trưng bày: 01 Đại biểu/đơn vị; Nông dân tham quan; cơ quan truyền thông báo chí;...

2. Đêm kết nối (Networking night):

- Thời gian: 18h00 ngày 25 tháng 8 năm 2022.
- Địa điểm: Khách sạn Mường Thanh, thành phố Cần Thơ
- Quy mô: khoảng 150 đại biểu.
- Thành phần:
 - + Quốc tế: Lãnh đạo Bộ NN và HTX Thái Lan; DLG, Đại Sứ Quán Đức, Hội Thương Mại Đức, IRRI, một số tổ chức quốc tế và phi chính phủ, ...
 - + Việt Nam: Lãnh đạo Bộ NN&PTNT, đại diện 1 số đơn vị thuộc Bộ; Lãnh đạo UBND Tp. Cần Thơ, đại diện 1 số Sở, Ban ngành; Ban tổ chức; Đơn vị tài trợ; Đại diện đơn vị tham gia trình diễn, trưng bày; cơ quan truyền thông báo chí;...

3. Tham quan mô hình trình diễn:

- Thời gian: 7h00 - 9h00 ngày 25 tháng 8 năm 2022.
- Địa điểm: tại Viện Lúa ĐBSCL.
- Quy mô: khoảng 300 đại biểu (40 đại biểu Quốc tế, 60 đại biểu Việt Nam và 200 nông dân).
- Thành phần:
 - + Quốc tế: Lãnh đạo Bộ NN và HTX Thái Lan; DLG, Đại Sứ Quán Đức, Hội Thương Mại Đức, IRRI, một số tổ chức quốc tế và phi chính phủ, ...
 - + Việt Nam: Lãnh đạo Bộ NN&PTNT, đại diện 1 số đơn vị thuộc Bộ; Lãnh đạo UBND Tp. Cần Thơ, đại diện 1 số Sở, Ban ngành; Ban tổ chức; Nông dân tham quan (200 nông dân); cơ quan truyền thông báo chí;...

4. Xây dựng mô hình trình diễn trên đồng ruộng:

a) Mô hình trình diễn tại Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long:

Tổng số 20 ha mô hình bao gồm: mô hình canh tác lúa tiên tiến (Viện lúa ĐBSCL); mô hình canh tác lúa thông minh (Công ty Bình Điền); mô hình trình diễn bón phân sinh học bằng máy bay Globalcheck cho lúa (Công ty Đại Thành); mô hình trình diễn sạ hàng khí động (công ty APV);...

b) Mô hình trình diễn vệ tinh của các doanh nghiệp:

Các mô hình trình diễn canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL, Mô hình sạ cụm... Tổng số mô hình: 59 mô hình, được triển khai tại 134 điểm trình diễn, quy mô: 134,9 ha (thuộc 13 tỉnh ĐBSCL).

c) Mô hình trình diễn khuyến nông tại ĐBSCL:

Các mô hình, dự án Khuyến nông ứng dụng cơ giới hóa thuộc các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp; chăn nuôi thú y; thủy sản triển khai tại các tỉnh ĐBSCL, tổng số mô hình: 25, quy mô: 2074,2 ha.

5. Trình diễn công nghệ, máy, thiết bị trên đồng ruộng:

- Nội dung: Trình diễn công nghệ, vận hành máy, thiết bị tiên tiến, hiện đại áp dụng trong sản xuất nông nghiệp bền vững.
- Địa điểm: tại Viện Lúa ĐBSCL
- Quy mô: 5,0 ha
- Thời gian trình diễn: ngày 25- 26 tháng 8 năm 2022
- Thành phần tham gia: Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, chủ sở hữu máy móc, nhà cung cấp dịch vụ cơ giới hóa, Viện, Trường.

6. Trưng bày, triển lãm công nghệ, máy, thiết bị nông nghiệp và sản phẩm OCOP:

- Nội dung: Tổ chức các gian hàng trưng bày, triển lãm, giới thiệu các công nghệ, máy, thiết bị cơ giới hoá đồng bộ và sản phẩm OCOP.
- Địa điểm:
 - + Khách sạn Mường Thanh, Thành phố Cần Thơ.
 - + Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long
- Thời gian trưng bày: ngày 25- 26 tháng 8 năm 2022
- Quy mô: Dự kiến 70 gian hàng, trong đó:
 - + 50 gian hàng trưng bày máy, thiết bị, công nghệ (30 gian hàng doanh nghiệp trong nước; 10 gian hàng của các Viện, trường; 10 gian hàng quốc tế)
 - + 20 gian hàng trưng bày sản phẩm OCOP

7. Hội thảo quốc tế và các hội thảo chuyên đề:

a) Hội thảo cơ giới hoá đồng bộ hướng tới nền nông nghiệp bền vững:

- Thời gian: Sáng ngày 24 tháng 8 năm 2022.
- Địa điểm: Khách sạn Mường Thanh Cần Thơ.

- Quy mô: Dự kiến 100 - 150 đại biểu gồm: nhà quản lý, khoa học, các doanh nghiệp, khuyến nông, nông dân,...

- Đơn vị chủ trì/phối hợp: Cục Kinh tế hợp tác và PTNT và Tiểu ban hội thảo.

b) Hội thảo tổng kết Chương trình CORIGAP:

- Thời gian: Chiều ngày 24 tháng 8 năm 2022.

- Quy mô: Dự kiến 50 - 70 đại biểu chính thức trong từ các nước thành viên CORIGAP (Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Indonesia, Trung Quốc, Srilanka) và mở rộng cho tất cả người quan tâm. Sự kiện được tổ chức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

- Đơn vị chủ trì/ phối hợp: IRRI và Tiểu ban hội thảo.

c) Hội thảo tham vấn xây dựng Trung tâm cơ khí nông nghiệp vùng ĐBSCL:

- Thời gian: Chiều 25 tháng 8 năm 2022.

- Quy mô: Dự kiến 50 đại biểu chính thức gồm: nhà quản lý, chuyên gia kinh nghiệm về cơ giới hoá, và một số doanh nghiệp liên quan.

- Đơn vị chủ trì/ phối hợp: Cục Kinh tế hợp tác và PTNT và Tiểu ban hội thảo.

d) Hội thảo chuyên đề cơ giới hoá sản xuất trái cây:

- Thời gian: Trước 23/8/2022

- Quy mô: Dự kiến 100 đại biểu, gồm: nhà quản lý, khoa học, các doanh nghiệp, khuyến nông, nông dân,....

- Địa điểm: Tỉnh Tiền Giang

- Đơn vị chủ trì/ phối hợp: UBND tỉnh Tiền Giang và Tiểu ban hội thảo

e) Hội thảo chuyên đề cơ giới hoá lĩnh vực thủy sản:

- Thời gian: Trước 23/8/2022

- Quy mô: Dự kiến 100 đại biểu, gồm: nhà quản lý, khoa học, các doanh nghiệp, khuyến nông, nông dân,...

- Địa điểm: Tỉnh Sóc Trăng

- Đơn vị chủ trì/ phối hợp: UBND tỉnh Sóc Trăng và Tiểu ban hội thảo

8. Hoạt động truyền thông

Chủ đề truyền thông xuyên suốt của sự kiện: “***Cơ giới hoá đồng bộ hướng tới nền nông nghiệp bền vững***”.

a) Truyền thông trước sự kiện:

- Tổ chức họp báo trong nước và quốc tế

- Truyền thông trên truyền hình, đài phát thanh, báo, tạp chí:

- + Phát trên sóng “Chào buổi sáng” - VTV1

- + Phát trên VTV2, VTV9, SCTV, Truyền hình Vĩnh Long, Cần Thơ;
- + Talkshow/ Tọa đàm trên VTV2 chủ đề “Cơ giới hoá đồng bộ hướng tới nền nông nghiệp bền vững”.
- + Mở tiểu mục “Cơ giới hoá đồng bộ hướng tới nền nông nghiệp bền vững” trên Báo Nông nghiệp Việt Nam và Báo Nông thôn ngày nay và Tạp chí Kinh tế nông thôn từ ngày 11/7/2022;
- + Truyền thông trên các Báo, Tạp chí: Báo Nhân dân, TTXVN, Đài tiếng nói Việt Nam, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tạp chí Thủy sản Việt Nam...
- Các hình thức truyền thông khác (Fanpage, Youtube, Poster, Pano, Băng rôn, cờ, phướn...)

b) Truyền thông trong sự kiện:

- Thông tin, truyền thông các hoạt động trong khuôn khổ sự kiện: Tham quan mô hình trình diễn; lễ khai mạc; đêm kết nối; trình diễn máy, thiết bị, công nghệ; trưng bày triển lãm, các sản phẩm OCOP; các hội thảo...
- Các hình thức truyền thông: Clip truyền thông; đưa tin trên sóng VTV1, VTV2 và các kênh truyền thông khu vực, địa phương; quảng bá sự kiện qua màn led, backdrop, khinh khí cầu treo phướn...

c) Truyền thông sau sự kiện:

- Xây dựng 01 clip tổng kết sự kiện cũng như những giá trị lan tỏa trong nước và quốc tế mà sự kiện đem lại.
- Phóng sự trên VTV2, thời lượng 5-10 phút; Khái quát chuỗi hoạt động sự kiện, đánh giá những cơ hội mở ra cho Việt Nam trong xu hướng CGH và chuyển đổi số của nông nghiệp thế giới.
- Đăng tải các bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Nông nghiệp VN, Nông thôn ngày nay, Tiền phong, Nhân dân, Báo điện tử Dân Việt, TTXVN, Công thương, Truyền hình Quốc hội, Truyền hình Nhân dân...

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG NĂM 2023

I. ĐỊNH HƯỚNG

1. Nâng cao hiệu quả các dự án khuyến nông trung ương:

- Về nội dung: các dự án, mô hình khuyến nông bám sát, phục vụ trực tiếp các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021.

-Về kết quả của dự án cần gắn với chất lượng sản phẩm như sau.

+ Các sản phẩm có chất lượng cao, **sản phẩm hữu cơ, VietGAP, sản phẩm OCOP** gắn với cấp mã số vùng trồng, dán tem truy xuất nguồn gốc, nâng cao giá trị sản phẩm và giá trị sản xuất;

+ Gắn chuyển giao kỹ thuật sản xuất (giống mới có chất lượng cao, kỹ thuật canh tác giảm chi phí,...) với ứng dụng cơ giới hóa sản xuất, bảo quản chế biến sản phẩm, chứng nhận chất lượng, **liên kết với doanh nghiệp** tiêu thụ sản phẩm, theo **chuỗi ngành hàng**.

+ Sản xuất giảm chi phí, **thích ứng với biến đổi khí hậu**; Sản phẩm gắn với **du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường**;

+ Nâng cao giá trị sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, **xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh quốc phòng**.

- Về công tác tổ chức thực hiện: cần có sự tham gia của các viện nghiên cứu, doanh nghiệp để chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, tổ chức thực hiện của TTKN tỉnh, có sự vào cuộc của các HTX để thực hiện liên kết nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Có sự tham gia của cơ quan quản lý nông nghiệp ở địa phương để chỉ đạo mở rộng. Truyền thông của các cơ quan báo chí, truyền thông đại chúng để tuyên truyền kết quả.

2. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ khuyến nông, huy động sự vào cuộc, tham gia triển khai và góp vốn đối ứng từ các doanh nghiệp, đối tác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước và đảm bảo tính hiệu quả, bền vững, lan tỏa của các dự án, mô hình khuyến nông.

3. Đổi mới nội dung và phương pháp triển khai các hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông, đào tạo huấn luyện khuyến nông theo hướng: bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp; gắn với các vùng nguyên liệu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ số, công nghệ 4.0; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

4. Tiếp tục đề xuất củng cố phát triển hệ thống tổ chức tăng cường năng lực cho khuyến nông các cấp, trọng tâm cấp Trung ương và cấp cơ sở để đáp ứng tốt nhu cầu nhiệm vụ.

5. Chủ động và tích cực đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về KN.

II. CÁC NỘI DUNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN NĂM 2023

Căn cứ vào các Quyết định nội dung và kinh phí, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện năm 2023.

Xây dựng, trình Bộ phê duyệt danh mục dự án khuyến nông trung ương thực hiện từ năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên năm 2023. Hoạt động khuyến nông năm 2023 tập trung cho các nội dung, trọng tâm, ưu tiên, trọng điểm như sau:

- Sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp kinh tế, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, theo tiêu chuẩn VietGAP/VietGAHP, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường gắn với chuyển đổi số, kinh tế thị trường.

- Liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi, kinh tế hợp tác nhằm xây dựng vùng nguyên liệu, xây dựng các vùng sản xuất có mã số vùng trồng; sản phẩm có truy xuất nguồn gốc, cấp chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn quy định tạo vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu và tiêu dùng trong nước các sản phẩm chủ lực của ngành nhằm nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế.

- Phát triển ngành nghề nông thôn theo chương trình OCOP.

- Phát triển kinh tế rừng, liên kết tổ chức sản xuất rừng gỗ lớn theo tiêu chuẩn FSC và lâm sản ngoài gỗ, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Khắc phục và ứng phó với biến đổi khí hậu, khôi phục sản xuất sau dịch bệnh.

III. GIẢI PHÁP

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ và sự vào cuộc của các địa phương, sự phối hợp của các đơn vị trong và ngoài Bộ.

- Đa dạng nội dung, hình thức để phục vụ, đa dạng đối tượng từ người sản xuất, cán bộ khuyến nông đến chủ trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp...., Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động thông tin truyền thông, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu của hệ thống khuyến nông, kết nối hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương, đến từng người dân.

- Tăng cường xã hội hóa hoạt động khuyến nông để phát huy sức mạnh tổng hợp, thu hút mọi nguồn lực, nhằm phát triển hoạt động truyền thông ngày càng hiệu quả.

- Tăng cường và đổi mới hoạt động khuyến nông thường xuyên: Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo huấn luyện, truyền thông đáp ứng yêu cầu sản xuất, thúc đẩy liên kết, Tổ hợp tác, HTX gắn với vùng nguyên liệu, thực hiện đề án tái cơ cấu Ngành và gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường hoạt động hợp tác công tư PPP trong hoạt động đào khuyến nông.

- Đề xuất điều chỉnh, sửa đổi chính sách cho phù hợp, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, gắn kết các hoạt động thực hiện tiết kiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, tác dụng của công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo đúng quy định, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo kế hoạch đã được phê duyệt./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

**Hoạt động khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn
và Quyết định 150/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển nông nghiệp,
nông thôn bền vững**

I. SỰ CẦN THIẾT

Ở Việt Nam, công tác khuyến nông có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ nông dân đổi mới và phát triển sản xuất nông nghiệp, giúp đỡ nông dân tiếp cận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, góp phần thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Những năm qua, công tác khuyến nông đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp nói chung và tăng trưởng kinh tế đất nước nói riêng, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác khuyến nông của Việt Nam hiện vẫn tồn tại nhiều hạn chế:

(i) Cơ chế chính sách hoạt động khuyến nông chưa đồng bộ, còn nặng về thủ tục hành chính;

(ii) Hệ thống tổ chức khuyến nông còn thiếu đồng bộ từ Trung ương tới địa phương;

(iii) Công tác khuyến nông còn nặng về chuyển giao kỹ thuật; chưa chú trọng đến yếu tố kinh tế, thị trường, liên kết theo chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống khu vực nông thôn, nâng cao năng lực người nông dân...;

(iv) Nguồn lực đầu tư cho hoạt động khuyến nông còn hạn chế, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của công tác khuyến nông;

(v) Mô hình, dự án khuyến nông một vài nơi còn chậm lan tỏa và thiếu tính bền vững;

(vi) Năng lực cán bộ khuyến nông còn hạn chế, đặt biệt thiếu các kiến thức, kỹ năng quản lý, quản trị, chuyển đổi số...

Bên cạnh đó, công tác khuyến nông cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cả trong và ngoài nước, đe dọa “đứt gãy” hệ thống khuyến nông, làm suy yếu tính liên kết bền vững.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách như Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững,... nhằm chuyển đổi tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang tư duy “kinh tế nông nghiệp”, xây dựng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh" hướng đến các mục tiêu về phát triển bền vững.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hoạt động khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu trên.

II. CĂN CỨ

1. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

5. Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

III. QUAN ĐIỂM

1. Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mọi hoạt động khuyến nông cần phải hướng tới người nông dân, xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng của nông dân và phù hợp với năng lực, điều kiện sản xuất của nông dân.

2. Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông.

3. Đổi mới công tác khuyến nông theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

- *Về chuyển đổi tư duy*: tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

- *Về hệ thống tổ chức*: tiếp tục củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện cụ thể của địa phương; đến năm 2030: 100% các tỉnh, thành phố có quy chế phối hợp công tác trong hoạt động khuyến nông (đảm bảo hoạt động khuyến nông được liên thông, xuyên suốt), mỗi tỉnh, thành phố xây dựng được tối thiểu 10 mô hình tổ chức khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

- *Về thông tin tuyên truyền*: đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 trong hoạt động khuyến nông, đến năm 2030: 100% các tỉnh, thành phố có website, cổng thông tin điện tử để phục vụ hoạt động khuyến nông, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khuyến nông thông suốt từ trung ương tới cơ sở phục vụ công tác quản lý và giám sát, đánh giá hoạt động khuyến nông.

- *Về đào tạo huấn luyện*: tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp, phấn đấu đến năm 2030: 100% cán bộ khuyến nông các cấp, đặc biệt là đội ngũ cấp cơ sở, được đào tạo bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng về: kinh tế, thị trường, HTX, chuyển đổi số, phát triển cộng đồng, truyền thông,...

- *Về xây dựng mô hình*: xây dựng các mô hình khuyến nông theo chuỗi giá trị theo 3 nhóm sản phẩm (nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, nhóm sản phẩm đặc sản địa phương), ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn của thị trường. Phấn đấu đến năm 2030: mỗi tỉnh, thành phố phải xây dựng được ít nhất 01 mô hình khuyến nông theo chuỗi giá trị (từ hạt giống đến bàn ăn) phù hợp với điều kiện, lợi thế của địa phương.

- *Thí điểm xây dựng các mô hình nông nghiệp tiên tiến* để làm mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng nhu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông

ng nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

- *Về hệ thống tổ chức*: các tổ chức khuyến nông các cấp được củng cố, kiện toàn, có bộ máy tinh gọn, quy mô, lĩnh vực hoạt động phù hợp với nhu cầu, điều kiện của từng địa phương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp, HTX, nông dân trong vùng.

- *Về tổ khuyến nông cộng đồng*: tiếp tục phát triển, nhân rộng, phấn đấu đến năm 2050: 50% số xã có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả; 75% cán bộ khuyến nông cơ sở đạt tiêu chuẩn cán bộ khuyến nông thông minh.

- *Về thông tin tuyên truyền*: ứng dụng công nghệ số trong hoạt động khuyến nông, phấn đấu đến năm 2050: 100% số xã có điểm truy cập thông tin để nông dân có thể chủ động tiếp cận, cập nhật thông tin; 100% tài liệu, ấn phẩm khuyến nông xuất bản bằng ấn phẩm điện tử.

- *Về đào tạo huấn luyện*: hình thành các Trung tâm đào tạo, tập huấn khuyến nông vùng (Bắc – Trung – Nam) với điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và có các mô hình mẫu để kết hợp đào tạo - chuyển giao theo nhu cầu của cán bộ khuyến nông, doanh nghiệp, nông dân.

- *Về mô hình trình diễn*: nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp đô thị kết hợp du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

V. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, giáo dục, đổi mới tư duy, nhận thức và hành động:

a) Nội dung:

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, với những nội dung chính như sau:

- Phát triển nền nông nghiệp bền vững: Đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng,... trong sản xuất.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng.

- Chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp. Từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm đa giá trị; từ tập trung hỗ trợ người sản xuất sang hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, ứng dụng công nghệ số,...

- Phát triển nông nghiệp có trách nhiệm: Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái và công bằng xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu...; bảo vệ quyền lợi, chính đáng của người sản xuất và kinh doanh, đảm bảo công bằng cho người sản xuất nhỏ, các đối tượng yếu thế. Phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với thị trường nội địa.

- Đẩy mạnh tư duy phát triển bao trùm: Gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, giữa các địa phương thông qua phát triển các “Cụm ngành”, giữa chuỗi giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu; giữa kinh tế nông thôn và kinh tế đô thị, hộ nông dân với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài...

b) Hình thức:

- Tin, bài trên website, báo, tạp chí, video clip, bản tin, phóng sự trên đài phát thanh, truyền hình.

- Bản tin khuyến nông, tờ gấp, sách mỏng, áp phích,...

- Hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm, tham quan học tập.

c) Thực hiện:

- Các đơn vị trong hệ thống khuyến nông Việt Nam.

- Các đơn vị phối hợp, tham gia hoạt động khuyến nông.

2. củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp, phát triển nhân rộng mô hình tổ chức khuyến nông cộng đồng

a) Tổ chức khuyến nông cấp tỉnh:

- Tên gọi: Trung tâm Khuyến nông hoặc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức, quản lý và hoạt động khuyến nông, mở rộng phạm vi, lĩnh vực hoạt động nhằm phục vụ tốt nhất công tác quản lý nhà nước theo nhiệm vụ được giao;

- Phối hợp, lồng ghép hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ với các dịch vụ về giống, vật tư, bảo vệ thực vật, thú y, nước sạch, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc,... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông.

- Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp để triển khai các hoạt động khuyến nông trên địa bàn.

b) Tổ chức khuyến nông cấp huyện:

- Tên gọi: Trạm Khuyến nông hoặc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện.

- Rà soát, đánh giá năng lực, hiệu quả hoạt động của các Trạm Khuyến nông hoặc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện, từ đó có phương án sắp xếp, tổ chức lại cho phù hợp với điều kiện và nhu cầu của địa phương; tạo cơ chế để các đơn vị hoạt động cung cấp các dịch vụ về khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương.

c) Tổ khuyến nông cộng đồng:

- Giai đoạn 2022- 2025: thí điểm mô hình tổ khuyến nông cộng đồng ở các tỉnh xây dựng vùng nguyên liệu và các xã xây dựng nông thôn mới.

- Giai đoạn 2025- 2030: nhân rộng mô hình tổ khuyến nông cộng đồng ra các vùng có điều kiện phù hợp, ưu tiên các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Giai đoạn 2030- 2050: nhân rộng mô hình tổ khuyến nông cộng đồng ra toàn quốc, mở rộng các hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông (bao gồm cả sản xuất, kinh tế, văn hóa, xã hội, cộng đồng, du lịch,...) theo nhu cầu của cộng đồng địa phương.

Cơ chế tuyển chọn cán bộ tham gia tổ khuyến nông cộng đồng: là con em nhà nông, được đào tạo huấn luyện bài bản về sản xuất nông nghiệp, kinh doanh nông sản, nhiều tâm huyết, gắn bó với nông nghiệp nông dân, có kỹ năng công tác xã hội, thành thạo công nghệ thông tin, năng động, sáng tạo, có tinh thần dân thân, không ngại thay đổi.

d) Quy chế phối hợp công tác trong hoạt động khuyến nông:

Mỗi tỉnh, thành phố cần xây dựng được Quy chế phối hợp công tác trong hoạt động khuyến nông ở địa phương. Trong Quy chế phân rõ vị trí, chức năng, vai trò, trách nhiệm của từng cấp, từng đơn vị để từ đó thống nhất trong công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tạo điều kiện chủ

động cho các đơn vị trong thực thi nhiệm vụ. Đối với những nhiệm vụ trọng tâm hoặc khi có thiên tai, dịch bệnh cần có sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Quy chế phối hợp chính là cơ sở pháp lý để đảm bảo hoạt động của hệ thống khuyến nông được thống nhất, xuyên suốt, khắc phục tình trạng ”đứt gãy hệ thống” thời gian qua.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp và thực hiện chủ trương tri thức hóa nông dân

a) Giai đoạn 2023- 2030:

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp (cấp tỉnh: khoảng 2.000 người, cấp huyện: khoảng 4.000 người, cấp cơ sở (tổ khuyến nông cộng đồng): khoảng 20.000 người).

- Nội dung đào tạo, tập huấn: kinh tế tuần hoàn; nông nghiệp hữu cơ; kinh tế nông nghiệp; tiếp cận thị trường; liên kết sản xuất; quản lý chất lượng; chuyển đổi số; kinh tế hợp tác; phát triển cộng đồng; truyền thông;...

Trên cơ sở các kiến thức, kỹ năng thu được, các cán bộ khuyến nông sẽ là giảng viên để đào tạo, tập huấn cho nông dân ở địa phương mình phụ trách nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho nông dân, góp phần thực hiện chủ trương tri thức hóa nông dân.

Việc tổ chức đào tạo huấn luyện cho nông dân cần lưu ý:

+ Về mục tiêu: đào tạo huấn luyện nông dân nhằm nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ cho nông dân để có khả năng đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp. Sau khi được đào tạo, người nông dân trong quá trình sản xuất sẽ tự phát hiện vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề, biết và tự cân nhắc về rủi ro từ quyết định của mình, chủ động thích ứng với sự thay đổi, vượt qua những cú sốc do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường và biến chuyển xu thế tiêu dùng, biết tối ưu hóa quy trình sản xuất và tối thiểu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận,...

+ Về phương thức đào tạo nông dân: chuyển từ hình thức tập huấn ngắn hạn theo từng nội dung, chủ đề, kỹ thuật cụ thể (hiện nay) sang đào tạo có lộ trình, bài bản, dài hơi gắn với từng đối tượng sản xuất, ngành hàng cụ thể nhằm từng bước tích lũy tri thức, kiến thức, kinh nghiệm, thông tin về kinh tế thị trường giúp cho nông dân từng bước làm chủ máy móc, công nghệ, nông dân tự tin sản xuất ra các sản phẩm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của thị trường, chuẩn mực về tiêu chuẩn sản xuất, an toàn.

b) Giai đoạn 2030- 2050:

Đầu tư xây dựng 03 cơ sở chuyên nghiệp về đào tạo huấn luyện khuyến nông là:

- Trung tâm Đào tạo huấn luyện khuyến nông khu vực phía Bắc.
- Trung tâm Đào tạo huấn luyện khuyến nông khu vực miền Trung.
- Trung tâm Đào tạo huấn luyện khuyến nông khu vực phía Nam.

Các Trung tâm đào tạo có điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có các mô hình mẫu để kết hợp đào tạo - chuyển giao theo nhu cầu của cán bộ khuyến nông, doanh nghiệp, nông dân.

c) Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn "cán bộ khuyến nông thông minh" và "nông dân thông minh":

- “Nông dân thông minh”: là nông dân thành thạo hệ thống sản xuất trong từng lĩnh vực nông nghiệp, có khả năng phân tích, liên kết, quản lý sản xuất và tiếp thị bằng các dữ liệu để đưa ra quyết định sáng suốt.

- “Cán bộ khuyến nông thông minh”: là cán bộ khuyến nông có kiến thức, có chuyên môn theo một ngành nghề cụ thể, có khả năng truyền đạt kiến thức và chuyển giao công nghệ, minh bạch trong công việc, có khả năng điều phối và tương tác với các đối tác để tạo hiệu quả cao trong công tác.

Đây là các tiêu chuẩn, tiêu chí để áp dụng trong đào tạo, tập huấn và tiến tới áp dụng cấp chứng chỉ hành nghề trong hoạt động khuyến nông.

4. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khuyến nông

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, phần mềm phục vụ công tác quản lý và hoạt động khuyến nông.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông liên thông từ Trung ương đến cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích, theo dõi, đánh giá, triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông; khuyến khích điện tử hóa văn bản, tài liệu sử dụng trong hệ thống khuyến nông nhằm hạn chế giấy tờ và tiết kiệm thời gian, ngân sách.

- Phát triển khuyến nông điện tử: chương trình đào tạo nông dân trên truyền hình; App khuyến nông xanh; đào tạo trực tuyến online; cầu truyền hình; sàn giao dịch, hội chợ nông sản điện tử; chợ việc làm nông nghiệp điện tử;...

- Xây dựng các điểm truy cập thông tin ở các xã nông thôn mới để nông dân có thể chủ động tiếp cận, cập nhật thông tin;

- Xuất bản các tài liệu, ấn phẩm khuyến nông bằng ấn phẩm điện tử.

- Đảm bảo thông tin được chia sẻ, kết nối liên thông trong hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương và giữa hệ thống khuyến nông với các phương tiện truyền thông đại chúng.

5. Đổi mới phương pháp khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông

- Đổi mới phương pháp khuyến nông từ chuyển giao quy trình kỹ thuật đơn lẻ sang khuyến nông theo chuỗi giá trị, ngành hàng và khuyến nông có sự tham gia, cụ thể:

+ Khuyến nông theo chuỗi giá trị, ngành hàng: từ hạt giống cho tới bàn ăn.

+ Khuyến nông có sự tham gia: trong hoạt động khuyến nông có sự tham gia của đầy đủ các bên liên quan: nhà khoa học, nhà quản lý, khuyến nông, doanh nghiệp, nông dân và các tổ chức của nông dân (HTX, tổ hợp tác, câu lạc bộ,...). Trong đó cần đặc biệt lưu ý phát huy vai trò của nông dân, các tổ chức của nông dân, cộng đồng theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển và liên kết với doanh nghiệp để hình thành chuỗi giá trị.

- Áp dụng phương pháp khuyến nông phù hợp với từng nhóm sản phẩm chủ lực:

+ Đối với nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp, tập đoàn xây dựng các chương trình, dự án khuyến nông quy mô vùng, liên tỉnh, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại, áp dụng các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo yêu cầu thị trường, gắn với xây dựng thương hiệu quốc gia.

+ Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, thành phố xây dựng các chương trình, dự án khuyến nông địa phương để kết nối các cơ quan nghiên cứu, chuyển giao, khuyến nông, doanh nghiệp, HTX tham gia, áp dụng sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

+ Đối với nhóm sản phẩm đặc sản địa phương: xây dựng các mô hình khuyến nông phù hợp với từng địa bàn, đối tượng, cộng đồng, liên kết với doanh nghiệp để bao tiêu sản phẩm đầu ra ổn định cho nông dân, kết hợp với tổ chức các hoạt động về văn hóa, du lịch nhằm tăng thu nhập cho nông dân và bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Một số lưu ý trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

+ Chuyển giao, ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa.

+ Hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học...

+ Khuyến khích phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, ưu tiên công nghệ thân thiện với môi trường.

+ Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao.

Thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyên gia công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

6. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế và hợp tác công tư trong khuyến nông

- Chủ động, tích cực xây dựng ký kết chương trình, kế hoạch hợp tác về khuyến nông với một số nước, tổ chức quốc tế, bao gồm: tài trợ không hoàn lại, hỗ trợ phát triển (ODA), liên kết, hợp tác, đào tạo nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật, trao đổi thông tin... theo hình thức hai bên cùng có lợi.

- Thúc đẩy hợp tác với các tổ chức quốc tế về hỗ trợ kỹ thuật và chúng nhận các kết quả hoạt động khuyến nông theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Tăng cường hợp tác giữa hệ thống khuyến nông với các tổ chức, doanh nghiệp theo hình thức hợp tác công tư (PPP) theo từng chuỗi giá trị sản phẩm, ngành hàng.

7. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách về khuyến nông

Sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông: (i) Bổ sung tiêu chí, quy định về tiến bộ kỹ thuật, công nghệ chuyển giao trong hoạt động khuyến nông đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất, nhu cầu thị trường, năng lực đối tượng chuyển giao, tạo ra giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ khuyến nông; (ii) Bổ sung chính sách khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, hợp tác công - tư trong hoạt động khuyến nông.

Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện bộ định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông, làm cơ sở để thúc đẩy xã hội hoá khuyến nông theo hướng dịch vụ công, dịch vụ có thu.

VI. KINH PHÍ

- Ngân sách nhà nước: tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho khuyến nông ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 – 2020 (theo nhiệm vụ số 5 – Nghị quyết 19-NQ/TW).

- Về chính sách tín dụng: Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng NN&PTNT để có chính sách tín dụng ưu tiên cho nông dân, chủ trang trại, HTX tham gia hoạt động khuyến nông để có đủ nguồn vốn áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

- Nguồn xã hội hóa: thu hút, huy động các nguồn kinh phí từ các dự án hợp tác quốc tế và hợp tác công tư PPP với các doanh nghiệp tham gia hoạt động khuyến nông.

- Xây dựng các mô hình Quỹ khuyến nông ở Trung ương và các địa phương có điều kiện ngân sách nhằm tạo nguồn lực ổn định phục vụ công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất. Quỹ khuyến nông hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn và không vì mục đích lợi nhuận.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn sản xuất.

2. Bộ Tài chính

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về khuyến nông.

- Cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến nông để tổ chức triển khai Kế hoạch này.

- Hướng dẫn thành lập và cơ chế hoạt động, quản lý Quỹ khuyến nông ở Trung ương và địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức khuyến nông cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với điều kiện của địa phương, là lực lượng để triển khai các hoạt động phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại địa phương.

- Thí điểm, nhân rộng các mô hình tổ khuyến nông cộng đồng, có cơ chế chính sách đãi ngộ hợp lý để duy trì hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng nhằm tạo động lực thúc đẩy trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Xây dựng các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông phù hợp với nhu cầu và thế mạnh của từng địa phương; cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách cho hoạt động khuyến nông địa phương; thu hút, huy động các nguồn lực xã hội hóa cho hoạt động khuyến nông./.

DANH MỤC BÁO CÁO THAM LUẬN

1. Báo cáo tham luận về tình hình hoạt động công tác khuyến nông tại Quảng Ninh (*Trung tâm Khuyến nông Quảng Ninh*)
2. Báo cáo tham luận về Công tác Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022 (*Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc*).
3. Báo cáo tham luận về đa dạng hóa hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (*Trung tâm Khuyến nông và dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hậu Giang*).
4. Báo cáo tham luận về giải pháp khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ (*Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ*).

Số: /BC-KN

Quảng Ninh, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO THAM LUẬN

Kết quả tình hình hoạt động công tác khuyến nông tại Quảng Ninh

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

1. Về cơ cấu tổ chức hệ thống Khuyến nông ở Quảng Ninh

Hệ thống khuyến nông nhà nước ở Quảng Ninh được tổ chức gồm TTKN tỉnh, Trung tâm DVKTNN huyện, cấp xã kiêm nhiệm (và hiện đã thành lập các Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động theo *phương thức tự nguyện*), cấp thôn bản dựa vào các đồng chí lãnh đạo thôn bản, thành viên tổ chức hội, đoàn thể và nông dân nòng cốt.

1.1. Cấp tỉnh: Trung tâm Khuyến nông tỉnh

Trung tâm Khuyến nông được giao 21. Số viên chức có mặt đến ngày 15/7/2022: 20 người (trong đó: 07 thạc sỹ, 13 kỹ sư, 01 HD68), trong đó:

- Lãnh đạo Trung tâm 03 người gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm có 03 phòng/ trạm: (1) Phòng Hành chính - Tổng hợp: 04 người, 01 HD; (2) Phòng Chuyên giao tiên bộ kỹ thuật: 08 người; (3) Trạm Thực hành chuyển giao kỹ thuật và Dịch vụ khuyến nông: 04 người.

- Về cơ sở vật chất: Không được bố trí xe công tác, cơ sở hoạt động sự nghiệp: 05ha đất NTTS tại Trạm thực hành chuyển giao kỹ thuật và dịch vụ khuyến nông. Mức tự chủ được giao: 30% (7 người làm việc, kinh phí tự chủ khoảng 1 tỷ đồng), nguồn thu từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng 15% chi thường xuyên.

1.2. Cấp huyện: Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các địa phương

Trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị (trạm BVTV, Thú y-thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT và Trạm Khuyến nông huyện) theo Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh,

Về cơ cấu tổ chức: Các Trung tâm có 01 Giám đốc và từ 01-02 Phó Giám đốc và các bộ phận chuyên môn: Chăn nuôi - thú y, trồng trọt - bảo vệ thực vật,

thủy sản, hành chính - tổng hợp, một số Trung tâm có thêm Tổ dịch vụ (Tx. Đông Triều),...

Tính đến tháng 6/2022, tại 13 Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố có 106 cán bộ viên chức, người lao động, trong đó có 98 viên chức và 08 lao động hợp đồng.

Về chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động: Thạc sỹ 18 người (17,14%); Đại học 78 người (74,29%); Cao đẳng 04 người (3,81%); Trung cấp 05 người (4,76%).

Về trình độ chuyên môn: Trồng trọt 35 người (33,33%); chăn nuôi 38 người (36,19%); thủy sản 10 người (9,52%); lâm nghiệp 07 người (6,67%); khác 15 người (14,29%). Có 03 Trung tâm: Hạ Long, Tiên Yên, Quảng Yên có đủ viên chức có chuyên môn theo 4 lĩnh vực chính của ngành; các Trung tâm khác cơ bản có chuyên môn về trồng trọt và chăn nuôi chiếm đa số (69,52%).

Về cơ sở vật chất: Ngoài trụ sở và các trang thiết bị làm việc, không có cơ sở hoạt động sự nghiệp; mức tự chủ được giao (6 đơn vị chưa giao; 7 đơn vị giao tự chủ từ 10-50%); nguồn thu từ thu phí KSGM và một số hoạt động kinh doanh.

Với số lượng cán bộ như hiện tại chỉ bằng 1/3 so với Trung bình của các tỉnh. Và nếu xét theo ngạch viên chức về Khuyến nông theo Thông tư của Bộ Nông nghiệp thì con số này còn thấp hơn (do ở Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp chủ yếu là viên chức BVTV và Thú y). Về tự chủ tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo triển khai sớm so với cả nước.

1.3. Khuyến nông viên cơ sở và cộng tác viên khuyến nông

Hiện nay, chúng tôi không có hệ thống khuyến nông viên cơ sở và cộng tác viên khuyến nông chuyên trách. Công tác quản lý hoạt động khuyến nông ở cấp xã do 01 cán bộ công chức Địa chính, xây dựng, nông nghiệp hoặc PCT hội ND xã kiêm nhiệm mà không có trình độ chuyên môn về sản xuất nông nghiệp. Không có cộng tác viên khuyến nông mà dựa vào lực lượng trưởng thôn, bản, thành viên các tổ chức Hội, đoàn thể và nông dân nòng cốt.

Để xác định rõ trách nhiệm về quản lý nhà nước, mối quan hệ trong phối hợp chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực BVTV, Thú y và KN giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND tỉnh đã Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, hoạt động và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Từ khi thành lập đến nay, nhìn chung công tác KN tại tỉnh vẫn đảm bảo công tác hoạt động có hiệu quả và đóng góp vào kết quả chung của ngành.

* *Tổ khuyến nông cộng đồng:* Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thành lập Tổ Khuyến nông cộng đồng đảm bảo theo Bộ tiêu chí nông thôn mới đảm bảo hiệu quả, phù hợp với từng địa phương (hiện đang rà soát tham mưu tiêu chí đánh giá hoạt động của Tổ). Đã thành lập được

62/111 xã/13/địa phương. Sau khi thành lập xong số lượng thành viên là 555 người cần được bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hằng năm.

2. Về kết quả hoạt động

Trong những năm qua, mặc dù đối diện với nhiều khó khăn thách thức từ biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp; giá cây con giống và vật tư phân bón tăng cao song hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, UBND tỉnh, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương và sự tham gia phối hợp tích cực của doanh nghiệp, nông dân trên địa bàn tỉnh. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp được đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu sản xuất. Các chương trình, mô hình, dự án khuyến nông đã từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Ngay sau khi nghị định 83/2018/NĐ-CP được Chính phủ ban hành, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Chương trình khuyến nông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2019-2023 theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 14/01/2019; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 268/NQ-HĐND về nội dung chi và mức hỗ trợ hoạt động KN và Nghị quyết 61/NQ-HĐND về danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách trong đó có khuyến nông. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bộ quy trình kỹ thuật phục vụ cho hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2020-2022, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và từ nguồn ngân sách địa phương; hệ thống khuyến nông tỉnh Quảng Ninh đã triển khai thực hiện 143 mô hình, dự án (Trong đó: Trồng trọt 85 mô hình, Chăn nuôi 14 mô hình, Thủy sản 32 mô hình, lâm nghiệp 12 mô hình). Tổ chức trên 600 lớp đào tạo, tập huấn và đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn cho trên 18.000 lượt học viên và cán bộ, cộng tác viên khuyến nông và nông dân trên địa bàn tỉnh. Đã in ấn và cấp phát trên 25.000 tờ rơi tuyên truyền về chính sách pháp luật về sản xuất nông nghiệp và các tiến bộ kỹ thuật; xây dựng 6.000 cuốn nông lịch; tổ chức 05 cuộc xúc tiến thương mại, xây dựng 38 Pano tuyên truyền, tổ chức 04 chuyên học tập kinh nghiệm về phương thức hoạt động và mô hình khuyến nông có hiệu quả tại các tỉnh bạn, xây dựng 20 chuyên đề khoa giáo và phim tư liệu kỹ thuật. Kết quả cụ thể:

Công tác tập huấn đào tạo: Nội dung tập huấn đào tạo đã có những thay đổi về nội dung, phương pháp truyền đạt; Bên cạnh hướng dẫn, chuyển giao các quy trình kỹ thuật theo truyền thống, công tác đào tạo tập huấn còn truyền tải cho người sản xuất cách thức quản lý, tổ chức sản xuất các đối tượng thuộc vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; Ngoài tập huấn lý thuyết tại hội trường còn tổ chức các lớp tư vấn kỹ thuật tại hiện trường sản xuất. Đây là cách làm mới, phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân, đi sâu vào thực tiễn yêu cầu của sản xuất nông nghiệp trong tỉnh.

Công tác thông tin tuyên truyền: Các hình thức thông tin truyền thông tiếp tục được duy trì, cải tiến về nội dung. Tổ chức sản xuất, phát sóng nhiều chuyên

mục khoa giáo khuyến nông trên truyền hình; 06 phim tư liệu, tài liệu bằng hình ảnh, video; Xây dựng và vận hành tổng đài tư vấn khuyến nông qua đầu số 1800558840. Hằng năm tổ chức 2-3 diễn đàn khuyến nông đã tạo được địa chỉ tin cậy, thương hiệu của khuyến nông tạo sức lan tỏa trong sản xuất. Ứng dụng mạnh mẽ mạng xã hội như zalo, facebook để nắm bắt, trao đổi thông tin.

Công tác xây dựng mô hình, dự án khuyến nông: Bám sát được xác định tập trung vào những đối tượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, phát triển sản xuất gắn liền kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP, đối tượng giống cây trồng, vật nuôi mới có hiệu quả kinh tế cao, phục vụ Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Xuất phát từ những mô hình nhỏ ban đầu từ hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, nguồn ngân sách của tỉnh, đã nhiều mô hình có hiệu quả, tạo được sức lan tỏa và nhân rộng trong sản xuất:

Lĩnh vực trồng trọt: (1) Mô hình sản xuất ôi VietGAP tại xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long cho hiệu quả kinh tế cao, mô hình áp dụng kỹ thuật cắt tỉa theo kỹ thuật Đài Loan và chăm sóc theo quy trình VietGAP. Đến nay kỹ thuật sản xuất đã lan tỏa toàn vùng sản xuất ôi tập trung của địa phương gần 400ha. Bên cạnh đó đã hình thành cơ sở du lịch cộng đồng phục vụ hoạt động du lịch trải nghiệm, thành phố Hạ Long đã đưa vùng ôi vào quy hoạch phát triển du lịch cộng đồng. (2) Mô hình phát triển giống na mới (na Đài Loan) do Trung tâm Khuyến nông theo đánh giá và tự công bố giống. Đến nay bước đầu đã nhân rộng được trên 30ha, tạo ra được sản phẩm na mới có giá trị kinh tế cao, thu hoạch trái vụ. Tỉnh Quảng Ninh đang xây dựng Đề án phát triển cây ăn quả tại huyện Đàm Hà, Tiên Yên và đưa cây na vào cơ cấu phát triển cây ăn quả tại Đề án này. (3) Mô hình trồng dưa lưới công nghệ cao được triển khai tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh như Đông Triều, Uông Bí, Đàm Hà.

Lĩnh vực thủy sản: Nhiều mô hình/dự án khuyến nông về thủy sản đã được triển khai góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất như: (1) mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo công nghệ Biofloc, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn... và hiện nay đã được nhân rộng trong sản xuất của tỉnh với nhiều cải tiến về hạ tầng ao nuôi, đầu tư trang thiết bị như mái che nuôi tôm vụ đông, thiết bị quan trắc môi trường ao nuôi. (2) Các mô hình nuôi nhuyễn thể đã góp phần phát triển nhanh diện tích nuôi và sản lượng nuôi trên địa bàn tỉnh. (3) Bên cạnh đó đã chủ động triển khai các mô hình thủy sản hữu cơ như mô hình nuôi rươi kết hợp canh tác lúa hữu cơ đã góp phần tạo sinh kế, khai thác hiệu quả hàng trăm ha diện tích bãi ngoài đê khu vực Uông Bí, Đông Triều tạo ra 2 loại sản phẩm có giá trị là gạo hữu cơ và đặc sản rươi, đồng thời bảo tồn đa dạng sinh học. (4) Mô hình ứng dụng công nghệ đèn Led cho tàu chài chụp khai thác xa bờ được triển khai đã giúp chủ tàu tiết kiệm được 50-55% lượng dầu (khoảng 180 lít/đêm) tăng hiệu quả sản xuất 30-35% cho mỗi chuyến biển đồng thời giảm việc phát thải cacbon, tuy nhiên do diễn biến của dịch bệnh Covid nên chưa triển khai dự án nhân rộng mô hình này. Hiện nay Trung tâm Khuyến nông quốc gia

đang triển khai dự án nuôi biển (nuôi cá chim bằng vật liệu thân thiện với môi trường tại huyện Vân Đồn), cá đang sinh trưởng phát triển tốt.

Lĩnh vực lâm nghiệp: (1) Thực hiện dự án trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn, chuyển hóa từ trồng rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, đến nay nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện việc chuyển hóa rừng trồng gỗ keo làm dăm gỗ sang lấy gỗ chế biến đã góp phần nâng cao hiệu quả cho sản xuất. (2) Từ kết quả dự án trồng cây dược liệu (ba kích) gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm và mô hình trồng cây cát sâm tại ba chẽ, hiện nay phong trào trồng cây dược liệu đã mở rộng diện tích hàng trăm ha tại các địa phương Ba Chẽ, Tiên Yên, Hải Hà. Các nội dung này đã được đưa vào giải pháp trong tổ chức thực hiện nghị quyết 19 của BCH đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững. (3) Mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Quế hữu cơ tại Đầm Hà, Tiên Yên của Công ty Hương gia vị Sơn Hà, hằng năm đánh giá chứng nhận và thu mua khoảng 300 ha quế. Đến nay đã thu mua tiêu thụ trên 500 tấn quế góp phần đẩy mạnh phong trào trồng Quế tại các địa phương miền Đông của tỉnh.

Lĩnh vực chăn nuôi: (1) Dự án chăn nuôi vịt biển, từ mô hình ban đầu do KNQG hỗ trợ tại các địa phương Cẩm Phả, Tiên Yên, đến nay tỉnh đã xây dựng được thương hiệu trứng vịt biển (sản phẩm Ocop) có giá trị kinh tế cao, được thị trường đón nhận bởi chất lượng cũng như phương thức canh tác. (2) Mô hình chăn nuôi bò sinh sản tại huyện Ba Chẽ, mô hình nuôi gà Tiên Yên tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã góp phần đa dạng sinh kế, giúp xóa đói giảm nghèo.

- *Công tác sản xuất, tư vấn dịch vụ khuyến nông:* Tranh thủ tối đa các nguồn lực (bao gồm cả vốn huy động của người lao động) nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có, mở rộng quy mô sản xuất. Hiện nay hạ tầng đang được sử dụng rất hiệu quả qua việc tổ chức sản xuất giống nhuỷên thể, thử nghiệm các kỹ thuật, công nghệ mới trong nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng, nghiên cứu thử nghiệm sản xuất giống cá cảnh biển. Huy động đa dạng nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến nông từ kinh phí của doanh nghiệp như: chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế cho người dân xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh bằng nguồn hỗ trợ sinh kế của Công ty TNHH Điện lực AES Mông Dương; Hỗ trợ, tư vấn xây dựng Dự án Chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ quế hữu cơ tại Quảng Ninh cho Công ty Cổ phần Quế - Hội Quảng Ninh theo Nghị quyết 194/2019/NQ-HĐND. Qua đó, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của viên chức đồng thời, tạo nguồn thu hợp pháp cho đơn vị.

Bên cạnh thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chúng tôi đã bám sát các chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các nội dung như:

- *Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia:* Triển khai thực hiện các nhiệm vụ bám sát các Chương trình mục tiêu quốc gia (Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025). Nhiều mô hình được triển khai tại địa bàn các xã miền

núi, các địa phương vùng khó khăn, như: Mô hình sản xuất ổi VietGAP tại xã Sơn Dương - thành phố Hạ Long, mô hình sản xuất lúa chất lượng cao (các giống Japonica: J02, QJ4) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại xã Đông Hải - huyện Tiên Yên; Mô hình nuôi bò (bò lai) sinh sản bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo Thanh Sơn, Đồn Đạc - Ba Chẽ, Mô hình trồng cây Giổi ăn hạt bằng cây ghép tại xã Đồn Đạc, Thanh Sơn - Ba Chẽ, Mô hình nuôi cá Chiên thương phẩm tại xã Tình Húc - Bình Liêu,... Các dự án, mô hình đã góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân khu vực miền núi, nông dân vùng khó khăn, góp phần xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- *Công tác nghiên cứu khoa học*: Đã triển khai 03 nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở và 01 cấp tỉnh. Được Bộ NNPTNT tiếp nhận công bố lưu hành giống CAQ là giống Na QN-D1 với nhiều ưu điểm (thu hoạch giáp tết, trọng lượng lớn, thịt quả chắc, chịu vận chuyển, hạt ít hiện nay giống đã được nhân rộng tốt vào sản xuất).

3. Tồn tại, hạn chế

- Hoạt động khuyến nông mới tập trung cho việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, chưa có nhiều hoạt động liên quan đến bảo quản, chế biến nâng cao giá trị gia tăng, giảm tổn thất sau thu hoạch và thị trường tiêu thụ.

- Tư duy của đội ngũ cán bộ làm khuyến nông có nơi còn chưa kịp thời thay đổi với yêu cầu đặc biệt về tư duy kinh tế nông nghiệp

- Hoạt động tư vấn dịch vụ khuyến nông bước đầu xác định được nguồn thu, song thiếu tính ổn định do cạnh tranh thị trường, dịch bệnh; cơ sở vật chất, nhân lực, tính linh hoạt để tổ chức sản xuất, tư vấn, dịch vụ còn hạn chế.

Phần thứ 2

NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI VÀ CÁC ĐỀ XUẤT

Thời gian tới dự báo tình hình trong nước và trên địa bàn tỉnh có những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen:

- Đại dịch COVID-19 trên người còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, giá cả vật tư, nhiên liệu sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nói chung và hoạt động khuyến nông nói riêng.

- Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp đang có những bước phát triển mạnh mẽ trong khi số lượng người làm việc có xu hướng giảm, không đảm bảo đủ chuyên môn ở các lĩnh vực của sản xuất; cấp xã, cấp thôn bản hoạt động kiêm nhiệm chưa có cơ chế chi trả phụ cấp. Năng lực, trình độ và khả năng tiếp cận của đội ngũ cán bộ

chưa đồng đều để đáp ứng việc thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi số, công nghệ cao. Các Tổ khuyến nông cộng đồng mới được thành lập để phát huy hiệu quả cần có hành lang pháp lý và được đào tạo bồi dưỡng thêm về kỹ năng.

- Chỉ đạo của Trung ương về đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020, Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021) sẽ được sắp xếp theo hướng đơn vị cung cấp nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại, và từng bước nâng cao mức độ tự chủ tài chính; chuyển đổi phương thức hoạt động từ phân bổ theo kế hoạch sang hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ công đã đặt ra yêu cầu đổi mới trong nhận thức, tư duy và hành động.

1. Nhiệm vụ thời gian tới

Quan tâm đào tạo, phát triển lực lượng cán bộ làm công tác khuyến nông đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động khuyến nông đặc biệt là công tác đào tạo, huấn luyện và thông tin tuyên truyền khuyến nông. Bên cạnh việc đào tạo kỹ năng, trong thời gian tới cần quan tâm truyền tải tư duy về kinh tế nông nghiệp, tư duy về liên kết, chuỗi giá trị và tư duy đa giá trị trong nông nghiệp.

Chủ động phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, chú trọng thực hiện những mô hình phục vụ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm Ocop, xây dựng mô hình nông nghiệp gắn với du lịch cộng đồng... theo phương châm xây dựng đến sản phẩm cuối cùng, đến kết nối thị trường.

Tiếp tục sử dụng có hiệu quả cơ sở hoạt động sự nghiệp, đa dạng đối tượng sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, đào tạo tay nghề cho lao động và tạo nguồn thu cho đơn vị trong điều kiện được giao tự chủ.

2. Kiến nghị, đề xuất

1) Về cơ chế, chính sách: *Rà soát, điều chỉnh bổ sung nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông, lý do:*

- Với quan điểm xây dựng mô hình khuyến nông đến sản phẩm cuối cùng thì phần nội dung chi cho việc bao gói, tem nhãn, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm trong các quy định hiện hành chưa có;

- Hiện nay để xây dựng được giá dịch vụ công về khuyến nông đảm bảo việc *tính đúng, tính đủ* theo lộ trình tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thì cần bổ sung nội dung chi về công (trực tiếp, gián tiếp) cho cán bộ khuyến nông trực tiếp triển khai mô hình (quy định hiện hành chỉ có tiền thuê cán bộ kỹ thuật là mức lương cơ sở/ 01 tháng);

2) Để đảm bảo “*vai trò cầu nối*” giữa nhà khoa học và người dân của hệ

thống khuyến nông, hàng năm KNQG cần có công tác rà soát và xây giới thiệu các công nghệ, kỹ thuật mới, hiệu quả (trong nước, nước ngoài) làm cơ sở để chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất, đặc biệt chú trọng đến công nghệ cao, chuyển đổi số.

3) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng khuyến nông cho đối ngũ cán bộ khuyến nông. Đối với kinh phí đào tạo huấn luyện năm 2022, cho phép điều chỉnh sang việc đào tạo kỹ năng cho thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng mới thành lập.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH QUẢNG NINH

THAM LUẬN**Công tác Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022**

Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, hiện nay có khoảng 70% dân số sống ở khu vực nông thôn, với diện tích đất nông nghiệp trên 80 nghìn ha, chăn nuôi là ngành sản xuất chính, góp phần quan trọng trong duy trì tốc độ tăng trưởng chung cho ngành nông nghiệp. Do vậy, nông nghiệp, nông thôn Vĩnh Phúc vẫn giữ vị trí quan trọng và luôn cần sự hỗ trợ để nâng cao thu nhập cho nông dân, đảm bảo an sinh xã hội.

Trong những năm qua, công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT. Với sự quan tâm đó, tập thể cán bộ Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc đã đoàn kết, sáng tạo triển khai nhiều chương trình, mô hình khuyến nông mang lại hiệu quả thiết thực cho bà con nông dân. Năm 2022, công tác khuyến nông tiếp tục được thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

Chương trình, dự án Khuyến nông Trung ương: Thực hiện văn bản số 214/KN-KHTC, ngày 06/5/2022 của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia về việc thông báo kế hoạch khuyến nông trên địa bàn tỉnh, thành phố năm 2022. Các nội dung triển khai bao gồm:

- Mô hình nuôi trai lấy ngọc phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu: Quy mô 37.500 con trai lấy ngọc. Mục đích tận dụng tối đa diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nhằm tăng thêm thu nhập cho người dân. Sau chu kỳ nuôi từ 18 - 24 tháng cho lãi 90.000 đồng/con. Ngoài ra con trai ăn tảo, lọc nước làm cho môi trường nuôi thủy sản sạch hơn, hạn chế được dịch bệnh trong quá trình nuôi.

- Mô hình chăn nuôi gà thịt thương phẩm theo VietGAHP: Với quy mô 7.000 con gà. Việc đưa các tiến bộ khoa học về giống gà và kỹ thuật chăn nuôi vào sản xuất đã góp phần nâng cao năng suất và chất lượng thịt. Bên cạnh đó, đã cấp giấy chứng nhận VietGAP cho các hộ tham gia mô hình và xây dựng được chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nên đã làm tăng giá trị sản phẩm và có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Mô hình sản xuất lúa gạo hữu cơ: Quy mô 30 ha/năm. Cây lúa sinh trưởng khỏe, ít sâu bệnh, năng suất đạt 60,6 tạ/ha, hiệu quả kinh tế cao hơn 12,8% so với sản xuất lúa thường. Hiện nay, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành

quyết định hỗ trợ sản xuất lúa theo hướng hữu cơ với quy mô 300 ha/năm; kinh phí hỗ trợ là trên 4,0 tỷ đồng/năm.

- Mô hình sản xuất ngô sinh khối phục vụ nhu cầu chăn nuôi đàn đại gia súc: Quy mô 20 ha/năm. Trồng ngô sinh khối có nhiều ưu điểm hơn so với trồng Ngô lấy hạt như: Thời gian từ trồng đến thu hoạch ngắn (từ gieo- thu hoạch sớm, chỉ khoảng 75-90 ngày (tùy theo từng giống), ngắn hơn trồng ngô lấy hạt từ 25-35 ngày, góp phần tăng vụ có thể trồng 3-4 vụ/năm, trong khi trồng ngô lấy hạt tối đa chỉ trồng được 2-3 vụ/năm. Năng suất thu được trung bình khoảng 40 tấn cây tươi/ha, với giá bán khoảng 1.000đ/kg tươi như vậy người sản xuất thu về khoảng 40 triệu đồng/ha, cho thu nhập cao hơn khoảng 4,3 triệu đồng/ha so với ngô lấy hạt. Hiện nay, diện tích sản xuất ngô sinh khối tại Vĩnh Phúc khoảng trên 2.000 ha/năm. Sản phẩm ngô sinh khối được doanh nghiệp thu mua như: Công ty TNHH Xây dựng & TM Minh Phát (là Doanh nghiệp đầu mối thu mua rồi dịch vụ cung cấp cho các đơn vị chăn nuôi gia súc lớn như: Trại bò thịt Phù Đổng tại Gia Lâm, Trại bò sữa Quế Lâm tại Sơn Dương Tuyên Quang, Công ty Chăn nuôi Hòa Phát tại Thái Bình); Công ty Đông Thành tại Đông Anh - Hà Nội,...

- Diễn đàn giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Số lượng đại biểu tham gia 200 người, tại 6 tỉnh như: Hà Nội, Hòa Bình, Thái Nguyên, Hải Dương và Vĩnh Phúc. Thông qua diễn đàn các doanh nghiệp, hộ sản xuất được trao đổi với các chuyên gia tiếp cận với các giải pháp, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ. Thông qua diễn đàn, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định hỗ trợ sản xuất Nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh với quy mô trên 1.600 ha rau ăn lá, 300 ha lúa và 1.500 con lợn, Kinh phí hỗ trợ gần 20 tỷ đồng/năm.

- Tập huấn ứng dụng công nghệ số trong chăn nuôi bò sữa; Khảo sát, học tập mô hình trồng rau, hoa, quả công nghệ cao gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm.

Tổng kinh phí hỗ trợ và triển khai tại Vĩnh Phúc trên 3,0 tỷ đồng/năm. Từ các mô hình, dự án Khuyến nông Trung ương được Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc xem là hạt nhân, làm cơ sở để đề xuất các Chương trình, Kế hoạch Khuyến nông nhân rộng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như:

- Chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho nông dân: Thực hiện Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thực hiện Chương trình tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho nông dân năm 2022. Quy mô 180 lớp (100 lớp lĩnh vực trồng trọt, 80 lớp lĩnh vực chăn nuôi). Kinh phí hỗ trợ triển khai 3,786 tỷ đồng. Nông dân được tập huấn về kỹ thuật chăm sóc, phòng chống dịch bệnh trên một số cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, các chính sách hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp,... từ đó áp dụng vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Chương trình hỗ trợ sản xuất rau quả hàng hóa an toàn theo VietGAP: Thực hiện Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thực hiện hỗ trợ sản xuất rau quả hàng hóa an toàn theo VietGAP năm 2022. Quy mô hỗ trợ: 1.840 ha, kinh phí hỗ trợ: 16 tỷ đồng. Chương trình đã giúp các hộ nông dân mở rộng diện tích trồng rau, quả an toàn, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác và tăng sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho thị trường.

- Chương trình hỗ trợ chế phẩm vi sinh xử lý rơm rạ trên cây lúa: Thực hiện Quyết định số 2029/QĐ - UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ chế phẩm vi sinh xử lý rơm rạ trên cây lúa giai đoạn 2022 - 2024; Quyết định số 368/QĐ - UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Hỗ trợ mô hình sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý rơm rạ trên cây lúa năm 2022. Quy mô hỗ trợ: 5.000 ha, kinh phí hỗ trợ: 14,42 tỷ đồng. Chế phẩm vi sinh giúp cải tạo đất, phân huỷ nhanh rơm rạ cung cấp thêm dinh dưỡng cho lúa, giảm sâu bệnh hại, giúp cây lúa sinh trưởng, phát triển thuận lợi, cho năng suất, chất lượng cao.

- Chương trình hỗ trợ giảm thiểu ô nhiễm môi trường chăn nuôi: Thực hiện Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về ban hành Kế hoạch hỗ trợ giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2023; Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: hỗ trợ giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học trên địa bàn tỉnh năm 2022. Quy mô hỗ trợ: 7.500.000 con gà, 130.000 con lợn, 300 con bò thịt, 2.000 con bò sữa. Kinh phí hỗ trợ 10 tỷ đồng. Việc sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường chăn nuôi đã làm giảm được mùi hôi chuồng trại, tiết kiệm nước và công lao động, đảm bảo an toàn dịch bệnh, góp phần phát triển chăn nuôi hiệu quả, bền vững và thực hiện tốt chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

- Chương trình diệt chuột tập trung: Thực hiện Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thực hiện diệt chuột tập trung năm 2022. Quy mô hỗ trợ 85.000 ha, kinh phí hỗ trợ: 5,525 tỷ đồng. Chương trình đã đạt được kết quả cao, giảm nhiều mức độ phá hại của chuột đối với sản xuất nông nghiệp, tăng năng suất, sản lượng cây trồng, được các cấp, các ngành và nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Chương trình khuyến nông giai đoạn 2020 - 2025: Thực hiện Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 538/QĐ – UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu: thực hiện Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh năm 2022. Các nội dung triển khai bao gồm: Đào

tạo, tập huấn kỹ thuật 26 lớp; Mô hình mạ khay cấy máy 50 ha; Mô hình chăn nuôi gà 40.000 con; Mô hình chăn nuôi lợn 1.000 con; Mô hình nuôi bò 1.800 con; Mô hình ứng dụng hệ thống cảm biến nuôi cá nước ngọt 3 ha; Mô hình nuôi cá lồng 1.500 m³. Tổng kinh phí hỗ trợ 13,511 tỷ đồng. Các mô hình đã đóng góp tích cực vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và giúp cho người nông dân tiếp cận với kỹ thuật sản xuất mới, thay đổi tư duy sản xuất, tạo đầu ra cho sản phẩm, tăng thu nhập, góp phần vào phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Với những nội dung do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hỗ trợ đã thực sự là hạt nhân, định hướng để Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc đề xuất các chính sách nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Với nguồn kinh phí khuyến nông Trung ương khoảng hơn 3,0 tỷ đồng/năm. Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc đã đề xuất các Chương trình, Kế hoạch thực hiện hỗ trợ từ nguồn kinh phí của tỉnh là trên 65,0 tỷ đồng/năm. Công tác khuyến nông của Vĩnh Phúc đã và đang thực sự trở thành người đồng hành, người bạn của nhà nông trên con đường phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng nông thôn mới. Trong những năm tiếp theo, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Phúc mong tiếp tục nhận được sự quan tâm nhiều hơn nữa của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Trung tâm Khuyến nông quốc gia, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc đối với công tác khuyến nông của tỉnh.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG VĨNH PHÚC

ĐA DẠNG HÓA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

*Trung tâm Khuyến nông và dịch vụ
nông nghiệp tỉnh Hậu Giang*

Hệ thống khuyến nông có vai trò quan trọng đối với nền nông nghiệp, tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình mới, với xu hướng chuyển từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, hệ thống khuyến nông cần phải thay đổi để thích ứng với yêu cầu mới.

Bám sát đặc điểm của địa phương và nhu cầu thực tế của nông dân, những năm gần đây, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hậu Giang đã chủ động thực hiện đa dạng hóa các nội dung hoạt động khuyến nông. Từ đó, Khuyến nông Hậu Giang không chỉ trở thành “cầu nối” chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến với người dân, mà còn gắn kết người sản xuất với doanh nghiệp, đưa sản phẩm nông sản tỉnh nhà quảng bá trên nhiều phương tiện (đa phương tiện) tạo được uy tín với người tiêu dùng đồng ứng tích cực ứng dụng chuyển đổi số góp phần giảm chi phí, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

1. Khái quát tình hình

Thực hiện Quyết định 1611/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh được thành lập trên cơ sở sắp xếp tổ chức bộ máy từ Trung tâm Khuyến nông tỉnh và tiếp nhận thêm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi từ Chi cục Thủy lợi tỉnh. Trung tâm hiện có 04 phòng trực thuộc (Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Kỹ thuật, Phòng Thông tin tư vấn và dịch vụ, Phòng Quản lý khai thác công trình thủy lợi) và 08 Trạm Khuyến nông cấp huyện.

Với lực lượng cán bộ trẻ và bố trí từ tỉnh đến cơ sở, hiện nay Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hậu Giang có 148 viên chức, trong đó tại Văn phòng Trung tâm là 41, Trạm Khuyến nông các huyện, thị xã, thành phố là 44, viên chức khuyến nông tại Tổ kỹ thuật các xã, phường, thị trấn là 63. Với trình độ chuyên môn sau đại học chiếm 25%, đại học chiếm trên 70% và cao đẳng, trung cấp dưới 5%, lực lượng khuyến nông viên cơ bản đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ. Để nâng cao hơn nữa kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng khuyến nông viên, hàng năm đơn vị cử hơn 100 lượt viên chức

tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo kịp thời đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong thời gian tới.

2. Các nội dung đa dạng hóa trong hoạt động Khuyến nông

- Đa dạng hóa trong xây dựng và nhân rộng mô hình:

Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Khuyến nông Hậu Giang là công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thời gian qua trung bình mỗi năm Trung tâm đã triển khai phối hợp xây dựng gần 20 mô hình trình diễn giống cây trồng, vật nuôi áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới và được người dân đánh giá mang lại hiệu quả cao. Cụ thể như mô hình nuôi lươn thương phẩm trong bể không bùn, mô hình sử dụng phụ phế phẩm làm thức ăn trong chăn nuôi dê, mô hình ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa, mô hình chuyển đổi cây trồng vật nuôi trên vùng đất bị nhiễm mặn do biến đổi khí hậu, mô hình nông nghiệp kinh tế tuần hoàn và các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch đã góp phần cải thiện kinh tế cho bà con nông dân.

Các mô hình được xây dựng theo hướng “Mỗi mô hình có 01 doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm” vì vậy bà con yên tâm đầu ra sau sản xuất. Đồng thời đẩy mạnh hướng dẫn nông dân ứng dụng phần mềm “Nông sản Hậu Giang” trong việc ghi nhật ký điện tử trong sản xuất, giúp nông sản được truy xuất nguồn gốc.

- Đa dạng hóa trong hoạt động đào tạo và tập huấn:

Song song với công tác xây dựng và nhân rộng mô hình, bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cũng được xem là một hoạt động không thể thiếu góp phần đem lại hiệu quả cao trong việc tiếp cận và ứng dụng khoa học vào thực tế sản xuất. Hàng năm, đơn vị luôn chủ động phối hợp cùng các cơ quan chức năng tổ chức hơn 100 lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản cho bà con nông dân, tập trung vào các loại vật nuôi, cây trồng chủ lực của địa phương và các loại có giá trị kinh tế cao gắn với các quy trình sản xuất GAP nhằm hướng đến sản phẩm đạt chuẩn, nâng cao giá trị nông sản trên thị trường. Thông qua hoạt động này, đến thời điểm hiện tại Hậu Giang có 10 sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn GAP, với diện tích sản xuất là 213,7ha. Trong đó, sản phẩm chanh không hạt và dưa lưới đạt tiêu chuẩn GlobalGAP với 17ha, còn lại đạt tiêu chuẩn VietGAP. Tổng sản lượng nông sản đạt chuẩn dự kiến khoảng 4.400 tấn mỗi năm. Hơn thế nữa, trong thời gian qua, đơn vị cũng tập trung đa dạng hóa hình thức đào tạo, thường xuyên cập nhật những nội dung liên quan

đến yêu cầu của thực tiễn sản xuất, không bị động trông chờ giáo trình của các viện, trường mà ứng dụng các kinh nghiệm thực tế của doanh nghiệp, nông dân thành giáo liệu, phục vụ đào tạo đồng thời tập trung hướng bà con nông dân chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

Về phương pháp, ngoài phương pháp thực hiện trực tiếp, Trung tâm đẩy mạnh đào tạo và tập huấn thông qua hình thức trực tuyến qua các ứng dụng Zoom, Google Meet, Zavi, ... hoặc kết hợp cả hai phương pháp vừa trực tiếp và trực tuyến. Đặc biệt, Trung tâm thực hiện phương pháp đào tạo từ xa thông qua các Video kỹ thuật được đăng tải trên Kênh Youtube “Khuyến nông Hậu Giang” gửi đường link đến nông dân.

- Đa dạng hóa trong hoạt động thông tin tuyên truyền:

Một trong những hoạt động xuyên suốt của khuyến nông chính là thông tin tuyên truyền, trong đó có nhiều hoạt động đã trở thành thương hiệu của khuyến nông, như Diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp, kết nối thông tin tuyên truyền với các cơ quan thông tấn, báo chí theo hướng đa dạng hình thức, nội dung... Trong năm qua, cùng với những khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, công tác thông tin tuyên truyền cũng gặp không ít trở ngại, tuy nhiên viên chức Khuyến nông Hậu Giang đã lấy khó khăn, trở ngại để làm động lực phấn đấu, với tinh thần thích ứng linh hoạt, toàn hệ thống đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động này trở lại, song song các hình thức truyền thống thông qua báo, đài, website..., các hình thức mới được áp dụng như: tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến, kết nối nông sản thông qua hình thức đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, xây dựng kênh Youtube Khuyến nông Hậu Giang nhằm cung cấp những nội dung về nông nghiệp đến với bà con nông dân. Qua đó, hiệu quả thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh và được đánh giá cao từ địa phương cũng như các tỉnh bạn.

Hiện nay, Trung tâm quản lý và vận hành 02 trang Website. Trang thứ nhất là “Khuyến nông Hậu Giang” với tên miền “khuyennonghaugiang.com.vn” đưa tin về các hoạt động ngành nông nghiệp, khuyến nông và mô hình hiệu quả. Trang thứ 2 là “Nông sản Hậu Giang” với tên miền “nongsanhaugiang.com.vn” với mục tiêu quảng bá nông sản, hỗ trợ kết nối và phục vụ truy xuất nguồn gốc nông sản.

Bên cạnh đó, Trung tâm còn phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình Hậu Giang thực hiện chuyên mục “Khuyến nông Hậu Giang” mỗi tháng phát truyền hình 1 kỳ. Đặc biệt, trong năm 2022 Trung tâm phối hợp với Đài thực hiện chuyên mục “Nhịp cầu nhà nông” theo hình thức truyền hình trực tiếp.

- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông:

Nhiệm vụ quan trọng của khuyến nông trong giai đoạn tới cần đặc biệt chú trọng đến phát triển các loại hình tư vấn, dịch vụ; xã hội hóa khuyến nông, mục tiêu đặt ra cần phải đưa những người làm công tác khuyến nông trở thành người giàu có. Từ những quan điểm trên, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp Hậu Giang đã cơ bản chuyển dần hoạt động theo hướng dịch vụ, tăng cường tư vấn kỹ thuật hỗ trợ người nông dân kết nối với doanh nghiệp, để thu phí từ các hoạt động khuyến nông sinh lời. Hiện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Trung tâm đã thành lập 2 điểm tư vấn, dịch vụ, cung ứng sản phẩm nông nghiệp cho người dân. Ngoài ra, đơn vị cũng đã hình thành được 1 tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp, trong đó dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái của Trung tâm đã phát triển và phục vụ nhu cầu cho người dân không chỉ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang mà còn lan tỏa ra các vùng lân cận, điều này đã từng bước giúp ngành nông nghiệp số hóa, giải quyết được bài toán thiếu hụt lao động ở nông thôn, giảm chi phí, khả năng đáp dịch nhanh và hiệu quả và cũng đem về cho đơn vị một khoản thu cho hoạt động dịch vụ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Trung tâm bắt đầu tiếp nhận công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi từ đầu năm 2021. Hiện tại, Trung tâm có 52 công nhân được hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ này. Nhìn chung, đến nay đã ổn định tổ chức, thực hiện tốt công tác ngăn mặn trong mùa nắng, điều tiết nước trong mùa lũ đảm bảo an toàn cho sản xuất nông nghiệp.

- Tham gia triển khai nhiều chương trình, dự án và đề án có hiệu quả:

Trong thời gian qua, Trung tâm đã tham gia triển khai nhiều chương trình, dự án và đề án: Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Dự án cải thiện sinh kế cho hộ nghèo (Heifer), Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT), Dự án Xây dựng các mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu và nguồn nước được kiểm soát khi xây dựng cống Cái Lớn – Cái Bé, ... Nhìn chung, kết quả triển khai các nội dung này có hiệu quả, được người dân đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

3. Một số giải pháp trong thời gian tới

Đạt được những kết quả như trên, bên cạnh sự tâm huyết của cả hệ thống khuyến nông Hậu Giang thì sự quan tâm chỉ đạo từ Trung tâm Khuyến nông

Quốc gia đến các cấp, các ngành của tỉnh cũng là một yếu tố quan trọng không kém. Thời gian qua, bên cạnh nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ, Khuyến nông Hậu Giang còn tận dụng được nguồn kinh phí từ địa phương thông qua Chương trình Khuyến nông giai đoạn 5 năm (2021-2025), đây cũng là một trong những tiền đề quan trọng để hoạt động Khuyến nông phát triển trong thời gian tới.

Tuy nhiên hoạt động Khuyến nông vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định, cụ thể như trình độ, cũng như kỹ năng làm tư vấn dịch vụ của lực lượng khuyến nông viên vẫn chưa thật sự phát huy hết năng lực so với dịch vụ của tư nhân, do còn nặng về tư duy nhà nước, mặt khác các chế độ cho lực lượng khuyến nông viên vẫn còn hạn chế từ đó chưa thúc đẩy được tinh thần trách nhiệm, sự đổi mới sáng tạo trong lực lượng này. Bên cạnh đó, định mức kinh tế kỹ thuật cho các hoạt động khuyến nông địa phương chưa được xây dựng hoàn thiện từ đó chưa đủ cơ sở căn cứ để thu giá dịch vụ khuyến nông tạo nguồn thu cho đơn vị. Cơ chế chính sách cho hoạt động khuyến nông vẫn chưa đảm bảo từ đó một số địa phương trên địa bàn tỉnh chưa thật sự quan tâm nhiều đến hoạt động khuyến nông, cơ sở vật chất, trang thiết bị dành cho hoạt động khuyến nông chưa đáp ứng được nhu cầu.

Để thúc đẩy hơn nữa hiệu quả từ hoạt động khuyến nông, đặc biệt là việc thực hiện đa dạng hóa các hoạt động khuyến nông. Thời gian tới, cần quan tâm thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- *Một là, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông:* Giữ vững hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở (cấp tỉnh, huyện và xã). Đặc biệt chú ý xây dựng mỗi xã có 01 tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả gắn với xây dựng vùng nguyên liệu ở mỗi địa phương.

- *Hai là, nâng cao năng lực cho người làm công tác khuyến nông đáp ứng tình hình mới:* Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo và tập huấn cho đội ngũ người làm công tác khuyến nông, giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ trong công tác. Đặc biệt quan tâm bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi tư duy từ “Sản xuất nông nghiệp” sang “Kinh tế nông nghiệp”, các kiến thức về tổ chức sản xuất và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- *Ba là, đổi mới nội dung và phương pháp khuyến nông:* Quan tâm đến việc cập nhật nội dung các tài liệu, giáo trình tập huấn trong hoạt động khuyến nông đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Đa dạng hóa phương pháp khuyến nông phù hợp với từng nhóm đối tượng, chú ý ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông.

- *Bốn là, đổi mới cơ chế chính sách trong hoạt động khuyến nông:* Cần đa dạng hình thức hỗ trợ trong hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình (cho mượn vốn thực hiện mô hình, hỗ trợ bù lỗ lợi nhuận khi cam kết áp dụng đúng quy trình kỹ thuật mới, hỗ trợ dựa vào kết quả sau khi thực hiện mô hình, ...). Có hướng dẫn cụ thể về chính sách thu chi đối với hoạt động Tư vấn và dịch vụ khuyến nông. Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông, đặc biệt các chính sách khuyến khích, thu hút nhân lực chất lượng cao phục vụ cho hoạt động khuyến nông.

- *Năm là, tăng cường phối hợp khuyến nông nhà nước và khuyến nông tư nhân:* Viên chức khuyến nông cần phải bám sát cơ sở, chủ động liên kết với doanh nghiệp từ đó kết hợp làm các dịch vụ tạo nguồn thu từ các hoạt động trong sản xuất. Ưu tiên việc liên kết doanh nghiệp, mở rộng vùng nguyên liệu để huy động nguồn lực của doanh nghiệp cùng tham gia. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khuyến nông, không chỉ quan tâm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước mà còn chú trọng đến nguồn vốn xã hội hóa từ hoạt động khuyến nông cộng đồng.

- *Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông:* Cần xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu và hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ chuyển đổi số cho hệ thống khuyến nông cả nước. Cụ thể như: phần mềm quản lý các hoạt động khuyến nông, truy xuất nguồn gốc nông sản, sàn thương mại điện tử sản phẩm khuyến nông, họp trực tuyến, kênh Youtube Khuyến nông Việt Nam, ...

Trên đây là báo cáo tham luận với chủ đề “Đa dạng hóa hoạt động khuyến nông Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”. Kính chúc quý đại biểu dồi dào sức khỏe! Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

GIẢI PHÁP KHCN PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI CÁC TỈNH DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

***Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ (ASISOV) -
Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS)***

Vùng Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) bao gồm 8 tỉnh và thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận. Toàn vùng có tổng diện tích tự nhiên 4.454.200 ha, chiếm 13,44% diện tích tự nhiên cả nước, dân số gần 9,29 triệu người, chiếm 9,63% dân số cả nước.

Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam (Nguyễn Văn Thắng và cộng sự, 2010) đến vùng Nam Trung Bộ là:

- Nhiệt độ trung bình năm tăng lên 0,4°C vào năm 2020; 0,9°C vào năm 2050 và 1,9°C vào năm 2100. Nhiệt độ cao nhất tương ứng với các thời điểm đó là 42°C; 43°C; 44°C;

- Lượng mưa mùa thu tăng lên 2,4% vào năm 2020; 6,3% vào năm 2050 và 12,1% vào năm 2100, lượng mưa mùa đông và mùa xuân giảm đi khoảng 2 - 3% vào năm 2020; 5 - 8% vào năm 2050 và 10 - 14% vào năm 2100. Các kỷ lục về lượng mưa ngày, lượng mưa tháng và lượng mưa năm đều tăng lên đáng kể, mưa lớn gây lũ lụt trong mùa thu, mùa đông và hạn hán trong mùa xuân, mùa hè ngày càng nghiêm trọng hơn;

- Lượng bốc hơi cũng gia tăng, độ ẩm tương đối có thể giảm đi ít nhiều;

- Dòng chảy lũ vẫn gia tăng nhưng dòng chảy kiệt suy giảm rõ rệt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước.

Biến đổi khí hậu đã có những tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của vùng Nam Trung bộ như sau:

- Gây thiệt hại đáng kể đến năng suất và làm tăng chi phí sản xuất;

- Tác động đến thời vụ, làm thay đổi cấu trúc mùa, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh, năng suất, sản lượng;

- Làm suy thoái tài nguyên đất, đa dạng sinh học bị đe dọa, suy giảm về số lượng và chất lượng do ngập nước và do khô hạn, tăng thêm nguy cơ diệt chủng của động vật, làm biến mất các nguồn gen quý hiếm;

- Một số loài nuôi có thể bị tác động làm giảm sức đề kháng do biên độ dao động của nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố ngoại cảnh khác tăng lên;

- Sự thay đổi các yếu tố khí hậu và thời tiết có thể làm nảy sinh một số bệnh mới đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm và phát triển thành dịch hại.

Biến đổi khí hậu làm giảm lượng mưa và tăng nhiệt độ trong mùa xuân và mùa hè, nên sản xuất nông nghiệp của vùng Nam Trung bộ cần quan tâm khai thác như sau:

- Lựa chọn cây trồng có năng suất và chất lượng phù hợp khi nhiệt độ tăng;

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Để phục vụ công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, dưới góc độ là đơn vị Khoa học Công nghệ, Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ (thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam) đã đề xuất và triển khai một số giải pháp sau:

1. Chuyển đổi các diện tích đất lúa kém hiệu quả thuộc vùng chân cao nguy cơ thiếu nước tưới sang trồng cây trồng cạn (cây đậu đỗ, ngô, cây thức ăn gia súc,...).

- Chuyển đổi từ cây trồng có nhu cầu nước tưới nhiều sang cây trồng có nhu cầu nước tưới ít hơn nhưng hiệu quả kinh tế phải tương đương hoặc cao hơn; chuyển đổi từ giống cây trồng có khả năng chịu hạn kém hơn sang giống cây trồng có khả năng chịu hạn tốt hơn. Các đối tượng cây trồng phù hợp để chuyển đổi theo quan điểm này là:

+ Nhóm cây họ đậu: Lạc, đậu xanh, đậu đen, đậu tương, vừng;

+ Cây ngô (ngô ngọt, ngô nếp, ngô lấy hạt, ngô rau);

+ Nhóm cây rau: Rau ăn lá (rau cải, rau dền, rau muống,...), rau ăn quả (ớt, dưa chuột, mướp đắng, dưa hấu...),

+ Nhóm cây thức ăn gia súc: Cỏ, ngô sinh khối, cao lương,...

+ Cây ăn quả: Xoài, dưa, mít, na, chanh,...

Các đối tượng đầu tư thấp, sản phẩm có thị trường truyền thống, an toàn, lợi nhuận ít nhưng bền vững là: Lạc, đậu xanh, vừng, ngô, cỏ thức ăn gia súc;

Các đối tượng đầu tư cao, sản phẩm đòi hỏi phải có liên kết với doanh nghiệp để bao tiêu là: Cây rau, hoa, cây ăn quả và cây dược liệu...

- Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa kém hiệu quả phải bố trí cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện đất đai và năng lực sản xuất của nông dân,

cần ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, giải pháp công nghệ mới vào sản xuất cây trồng cạn để góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả.

- Chuyển đổi phải gắn với thị trường, đảm bảo khả năng tiêu thụ. Cần có chính sách hỗ trợ nông dân về vốn, kỹ thuật, công nghệ... để việc chuyển đổi có thể triển khai trên diện rộng và bền vững.

- Cần sự đồng bộ từ các cấp ủy đảng, chính quyền và phải được hộ nông dân thảo luận bàn bạc cụ thể để tạo sự đồng thuận trong tổ chức, triển khai, chỉ đạo thực hiện.

- Chuyển đổi cây trồng cạn (rau, màu, đậu đỗ...) trên đất lúa phải được quy hoạch cụ thể theo vùng, gắn với hệ thống thủy lợi tưới, tiêu hợp lý, gắn với các giải pháp mùa vụ, cây trồng, công thức luân canh, xen canh phù hợp với từng chân đất, tập quán canh tác để phát huy tiềm năng và thế mạnh của địa phương.

- Chuyển đổi gắn kết chặt chẽ và chia sẻ lợi ích, trách nhiệm giữa doanh nghiệp với nông dân. Nhà nước, cơ quan khuyến nông, nhà khoa học là đầu mối chuyển giao, tư vấn kỹ thuật giúp nông dân tiếp cận và thay đổi tập quán.

- Cần áp dụng tối đa cơ giới hóa trong chuyển đổi sang cây trồng cạn để giảm công lao động bởi vì: Người dân thường có tâm lý lo ngại việc chuyển đổi từ đất lúa sang canh tác cây trồng cạn do phần lớn lao động nông thôn hiện đều lớn tuổi, canh tác lúa đã quen nên ngại thay đổi, bên cạnh đó do thiếu hụt lực lượng lao động, nên làm lúa ít tốn công hơn cây trồng cạn. Ngoài ra, cơ giới hóa góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí giá thành, tăng hiệu quả sản xuất

Theo giải pháp này, Viện đã triển khai một số mô hình sau:

1.1. Mô hình 1:

- **Tên mô hình:** Chuyển đổi đất lúa nguy cơ khô hạn cao trong vụ Hè Thu sang trồng lạc.

- **Xuất xứ/nguồn gốc:** Thuộc dự án Khuyến nông Trung ương “Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại một số tỉnh Nam Trung bộ”

- **Quy mô và địa điểm:**

Mô hình chuyển đổi nền canh tác 2 vụ lúa sang: 1 vụ lúa Đông Xuân + 1 vụ lạc Hè Thu do Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ và Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi triển khai thực hiện trong vụ Hè thu năm 2020, 2021 với quy mô 50 ha và 322 hộ tham gia tại 3 tỉnh: Bình Định (xã Mỹ Lộc,

huyện Phù Mỹ), Quảng Ngãi (xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành) và Quảng Nam (xã Bình Phú, huyện Thăng Bình).

- Kết quả đạt được:

+ Năng suất trung bình đạt 30,91 tạ/ha (Bình Định: 38,9 tạ/ha; Quảng Ngãi: 29,4 tạ/ha; Quảng Nam: 23,5 tạ/ha) (bảng 1).

+ Hiệu quả kinh tế đạt cao hơn từ 7,66-35,60 triệu đồng/ha (trung bình đạt 25,37 triệu đồng/ha) so với trồng lúa ở các địa phương xây dựng mô hình (bảng 1).

+ Ngoài ra, việc chuyển đổi đất trồng lúa thiếu nước ở vụ Hè Thu sang canh tác lạc không những góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân mà còn góp phần tiết kiệm được nguồn nước tưới; bởi vì, cây lạc là cây trồng cạn được tưới thấm theo rãnh với lượng nước ướt tính mỗi vụ lạc khoảng 6.000 m³ nước/ha, trong khi đó 1 ha sản xuất lúa cần 10.000-12.000 m³ nước nên tiết kiệm được khoảng 4.000-6000 m³ nước/vụ so với sản xuất lúa.

Bảng 1. Hiệu quả kinh tế mô hình chuyển đổi nền canh tác 2 vụ lúa sang:
1 vụ lúa Đông Xuân + 1 vụ lạc Hè Thu, năm 2020, 2021

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	MH chuyển đổi trồng lạc				Ruộng sản xuất lúa (Đ/c)
		Bình Định	Quảng Ngãi	Quảng Nam	Trung bình	
A	Tổng chi phí đầu tư	47.320.000	47.320.000	47.320.000	47.320.000	27.520.000
1	Nguyên vật liệu	21.720.000	21.720.000	21.720.000	21.720.000	13.120.000
2	Công lao động	25.600.000	25.600.000	25.600.000	25.600.000	14.400.000
B	Doanh thu	91.355.000	88.200.000	63.210.000	80.921.667	35.750.000
1	Năng suất thực thu (tạ/ha)	38,9	29,4	23,5	30,6	55,0
2	Giá bán trung bình	23.500	30.000	27.000	26.833	6.500
C	Lãi ròng	44.035.000	40.880.000	15.890.000	33.601.667	8.230.000
D	Chênh lệch so với sản xuất lúa	35.805.000	32.650.000	7.660.000	25.371.667	-
E	Tỷ suất lãi so vốn đầu tư (lần)	0,93	0,86	0,34	0,71	0,30

1.1.2. Mô hình 2:

- **Tên mô hình:** Chuyển đổi đất lúa nguy cơ khô hạn cao trong vụ Hè Thu sang trồng vùng.

- **Xuất xứ/nguồn gốc:** Thuộc dự án Khuyến nông Trung ương “Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại một số tỉnh Nam Trung bộ”

- **Quy mô và địa điểm:**

Mô hình chuyển đổi nền canh tác 2 vụ lúa sang: 1 vụ lúa Đông Xuân + 1 vụ vùng Hè Thu được triển khai ở 3 tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam. (1) Mô hình ở Bình Định và Quảng Nam do Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ triển khai thực hiện trong vụ Hè thu năm 2020, 2021, với quy mô 20 ha, 71 hộ tham gia ở xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định và 68 hộ ở xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. (2) Mô hình ở Quảng Ngãi do Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi triển khai thực hiện trong vụ Hè thu năm 2020, 2022 với quy mô 15 ha, 26 hộ tham gia ở xã Phổ Cường, TX. Đức Phổ (0ha), 40 ở xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành (05 ha) và 44 hộ ở xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (05 ha).

- Kết quả đạt được:

+ Năng suất trung bình đạt 9,60 tạ/ha (Bình Định: 9,4 tạ/ha, Quảng Ngãi: 10,4 tạ/ha; Quảng Nam: 9,1 tạ/ha) (bảng 2)

+ Hiệu quả kinh tế đạt cao hơn từ 7,96-13,80 triệu đồng/ha (trung bình đạt 18,66 triệu đồng/ha) so với trồng lúa ở các địa phương xây dựng mô hình (bảng 2);

+ Ngoài ra, việc chuyển đổi đất trồng lúa thiếu nước ở vụ Hè Thu sang canh tác vùng không những góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân mà còn góp phần tiết kiệm được nguồn nước tưới; bởi vì, cây vùng là cây trồng cạn có khả năng chịu hạn rất tốt, nước được tưới thấm theo rãnh với ước tính mỗi vụ lượng nước khoảng 4.000 m³ nước, tiết kiệm được khoảng 6.000-8000m³ nước/vụ so với sản xuất lúa.

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế mô hình chuyển đổi nền canh tác 2 vụ lúa sang:
1 vụ lúa Đông Xuân + 1 vụ vùng Hè Thu, năm 2020, 2021

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	MH chuyển đổi trồng lạc				Ruộng sản xuất lúa (Đ/c)
		Bình Định	Quảng Ngãi	Quảng Nam	Trung bình	
A	Tổng chi phí đầu tư	24.540.000	24.540.000	24.540.000	24.540.000	27.520.000
1	Nguyên vật liệu	11.740.000	11.740.000	11.740.000	11.740.000	13.120.000
2	Công lao động	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	14.400.000
B	Doanh thu	42.300.000	46.575.000	40.725.000	43.200.000	35.750.000
1	Năng suất thực thu (tạ/ha)	9,4	10,4	9,1	9,6	55,0
2	Giá bán trung bình	45.000	45.000	45.000	45.000	6.500
C	Lãi ròng	17.760.000	22.035.000	16.185.000	18.660.000	8.230.000
D	Chênh lệch so với sản xuất lúa	9.530.000	13.805.000	7.955.000	10.430.000	-
E	Tỷ suất lãi so vốn đầu tư (lần)	0,73	0,90	0,66	0,76	0,30

2. Thực hiện tái cơ cấu nội ngành hàng đối với cây lúa thông qua việc sử dụng gói kỹ thuật trong canh tác

- Các biện pháp chính trong gói kỹ thuật:

+ Sử dụng phương thức sạ hàng để thay thế phương thức sạ lan và giảm lượng giống gieo sạ từ 120 - 140 kg/ha xuống 80 - 100 kg/ha → Giảm sâu bệnh hại và giảm chi phí thuốc BVTV, giống;

+ Sử dụng hạt giống phẩm cấp cao (cấp nguyên chủng hay xác nhận) để thay cho việc dùng hạt lúa thương phẩm làm giống gieo trồng → Mục tiêu là có hạt giống khỏe và sạch bệnh để đảm bảo mật độ cây từ khi gieo sạ và giảm thiểu mầm bệnh từ hạt giống;

+ Sử dụng giống theo phân khúc thị trường (thơm, chất lượng, chế biến) có thời gian sinh trưởng từ ngắn đến trung ngày nhưng đảm bảo năng suất cao để thay thế bộ giống dài ngày → Mục tiêu giảm thiểu thời gian cây lúa lưu trên đồng ruộng để giảm số lần tưới nước và né tránh thiên tai cuối vụ;

+ Sử dụng chủng loại giống có khả năng chống chịu với sâu bệnh hại để thay cho bộ giống kháng bệnh kém → Mục tiêu là giảm thiểu sử dụng thuốc BVTV trong phòng trừ sâu, bệnh chính hại lúa;

+ Thực hiện việc cày ngâm trước khi gieo sạ 45 - 60 ngày trong vụ Đông Xuân và cày ải trước khi gieo sạ 15 - 20 ngày trong vụ Hè Thu để thay thế phương thức làm đất chỉ cày xới trước khi gieo sạ 2 - 3 ngày → Mục tiêu là tiêu diệt cỏ dại, giảm ngộ độc hữu cơ và tăng độ thoáng khí của đất và tạo điều kiện rễ lúa ăn sâu vào đất để tăng khả năng chống đổ ngã cũng như giảm lượng phân bón thông qua việc huy động dinh dưỡng trong đất;

+ Bón phân cân đối và hợp lý, bón đậm theo bảng so màu để thay thế phương thức bón phân theo tập quán → Mục tiêu hướng đến việc bón phân cân đối và giảm lượng phân đạm;

+ Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại đối với cây trồng (IPM) để thay thế phương thức phòng trừ sâu bệnh truyền thống → Mục tiêu giảm thiểu sử dụng thuốc BVTV trong canh tác;

+ Ứng dụng phương thức tưới khô xen ướt theo phương thức cắt phiên cấp nước từ hệ thống thủy nông/bơm tưới từ trạm bơm để thay thế phương thức liên tục cho cây lúa theo phiên từ 7-10 ngày/lần (tùy theo chân đất) → Mục tiêu giảm lượng nước tưới (giảm 03 phiên nước tưới, tương ứng, giảm chi phí công lao động dẫn nước tưới và giảm đổ ngã cây lúa.

+ Ứng dụng cơ giới hóa tối đa trong các công đoạn, đặc biệt công đoạn sau thu hoạch để giảm thất thoát, sử dụng máy cuốn rơm để tận dụng tối đa nguồn phế phụ phẩm phục vụ chăn nuôi gia súc và phân bón hữu cơ.

+ Xử lý gốc rạ sau thu hoạch bằng chế phẩm sinh học để làm phân bón hữu cơ → Mục tiêu để giảm chi phí đầu vào và giảm phát thải khí nhà kính.

Theo giải pháp trên, Viện đã triển khai một số mô hình sau:

2.1. Mô hình 1:

- **Tên mô hình:** Xây dựng ruộng mẫu trình diễn công nghệ canh tác lúa theo hướng tiết kiệm nước tưới, giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và bón phân hợp lý.

- **Xuất xứ/nguồn gốc:** Thuộc dự án Xây dựng vùng sản xuất lúa giống tại xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng do Tổ chức Lương thực Liên hiệp quốc (FAO) tại Việt Nam tài trợ thực hiện.

- **Hiệu quả mô hình:**

+ Chi phí đầu tư về công lao động, phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật của mô hình giảm so với phương thức canh tác truyền thống lần lượt là 12,2%, 9,5% và 30,9%.

+ Giảm 03 phiên nước tưới trong giai đoạn cây lúa đẻ nhánh và chín, tương ứng với tỷ lệ giảm từ 18,8 - 23,1% (tùy theo vụ Đông Xuân hay Hè Thu) so với phương thức tưới nước truyền thống là tưới liên tục theo phiên 7-10 ngày/lần.

+ Năng suất lúa mô hình tăng 9,2% so với đối chứng và lãi thuần tăng 2,3 lần so với phương thức canh tác truyền thống.

- **Địa điểm, quy mô triển khai thực nghiệm và áp dụng:**

+ Địa điểm và quy mô thực nghiệm: Tại Đà Nẵng, quy mô 24,6 ha và thời gian thực hiện là 2013 - 2014.

+ Địa điểm và quy mô áp dụng nhân rộng vào thực tiễn sản xuất:

• Xuất phát từ hiệu quả giảm 03 phiên nước tưới nhưng năng suất và hiệu quả sản xuất vẫn cao, do vậy trong các năm khô hạn trong vụ Hè Thu ở vùng Duyên hải Nam Trung bộ (2015, 2016 và 2019), Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ đã đề xuất giải pháp để các địa phương trong vùng thích ứng với hạn là ***“Giảm lượng tưới nước cho cây lúa trong vụ canh tác theo phương thức cắt 2-3 phiên nước từ hệ thống thủy nông/trạm bơm”***. Kết quả các địa phương áp dụng giải pháp chẳng những giảm áp lực về nguồn nước

tươi mà năng suất lúa vụ Hè Thu trong các năm khô hạn 2015, 2016 và 2019, đặc biệt là việc áp dụng triệt để tại tỉnh Bình Định đã mang hiệu quả cao;

4.2. Mô hình 2:

- **Tên mô hình:** Mô hình trình diễn các hoạt động CSA trong canh tác lúa ở tỉnh Quảng Nam.

- **Xuất xứ/nguồn gốc:** Thuộc Hợp phần 3 - Hỗ trợ thực hành Nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án cải thiện Nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Nam (WB7).

- Hiệu quả mô hình:

+ Với phương thức sạ hàng, sử dụng hạt giống chất lượng và lượng giống trong mô hình là 70 kg/ha (giảm so với ngoài mô hình 20-30 kg/ha) cho kết quả cây lúa phát triển khỏe, giảm chi phí, giảm công chăm sóc và hạn chế sâu, bệnh hại;

+ Thông qua thực hành IPM của nông dân trong phòng trừ sâu, bệnh hại lúa và các tác động tích cực của biện pháp sạ hàng, bón phân cân đối đến hệ sinh thái đồng ruộng, nên tình hình và mức độ xuất hiện sâu, bệnh ở ruộng mô hình ít nghiêm trọng hơn, số lần phun thuốc đã giảm xuống 3-4 lần so với diện tích ngoài mô hình;

+ Nông dân tăng cường sử dụng phân hữu cơ, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng bảng so màu lá trong quyết định lượng phân đạm đã giảm được 15kg N/ha (tương đương 33 kg ure /ha) so với ruộng ngoài mô hình;

+ Thực hành phương pháp tưới ướt khô xen kẽ, đã cắt giảm được 3 lần tưới ở giai đoạn lúa sau gieo 25 -40 ngày và 80 ngày đến thu hoạch, tiết kiệm được 1.200-1.800 m³ nước/vụ;

+ Giảm phát thải khí nhà kính thông qua giảm lượng phân bón, giảm số lần phun thuốc BVTV và nước tưới;

+ Năng suất trung bình của các mô hình CSA cao hơn ruộng sản xuất đại trà (đối chứng) từ 1,6 - 12,8 tạ/ha;

+ Lợi nhuận ở ruộng mô hình CSA cao hơn 5,2 - 16,0 triệu đồng/ha ruộng sản xuất đại trà (đối chứng) do giảm chi phí (2 triệu đồng/ha) từ giống, phân bón và thuốc BVTV và giá bán sản phẩm cao hơn từ liên kết sản xuất giống.

- Địa điểm, quy mô triển khai thực nghiệm và áp dụng:

+ Địa điểm và quy mô xây dựng mô hình:

TT	Địa điểm	ĐX 2016-2017	ĐX 2017-2018	HT 2018
1	Bình Chánh	54,5	54,5	54,5
2	Quế Xuân	45,5	45,5	45,5
3	Đại Minh	50,0	50,0	50,0
	Tổng	150	150	150

+ Địa điểm và quy mô áp dụng nhân rộng vào thực tiễn sản xuất:

TT	Địa điểm/Thời gian	Diện tích nhân rộng (ha)	Số xã tham gia
1	Huyện Đại Lộc/2019-2020	555	10
2	Huyện Duy Xuyên/2019-2020	80	1
3	Huyện Quế Sơn/2019-2020	555	11
4	Huyện Thăng Bình/2019-2020	1.010	18
5	Huyện Phú Ninh/2019-2020	480	10
6	Thành phố Tam Kỳ/2019-2020	200	4
7	Huyện Núi Thành/2019-2020	430	9
	Tổng cộng	3.310	63

HỘI NGHỊ KHUYẾN NÔNG TOÀN QUỐC NĂM 2022

Kết nối Hệ thống - Đổi mới sáng tạo



Quét để tải tài liệu Hội nghị

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
16 Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội
ĐT: 024. 37711265 - 024. 37282485
Email: sukienknqq@gmail.com / Website: www.khuyennongvn.gov.vn